

Số: 608 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 24 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả triển khai Đề án 06/CP, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06/CP 6 tháng đầu năm 2025

Thực hiện Công văn số 2784/TCT ngày 25/6/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 của Chính phủ về việc báo cáo kết quả sơ kết 6 tháng đầu năm 2025, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Phát huy kết quả, kinh nghiệm đạt được trong năm 2024, bám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Chính phủ và chủ đề chuyển đổi số năm 2025 “*Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số*” với quyết tâm chính trị cao nhất theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “*càng khó càng phải quyết tâm, khó mấy cũng phải làm, vướng mắc thì tháo gỡ, thách thức phải vượt qua*”, tỉnh Nghệ An đã sớm ban hành **Kế hoạch số 135/KH-TCT ngày 28/02/2025** triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án 06/CP năm 2025, đảm bảo nguyên tắc 6 rõ: “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*”, đầy đủ các nhiệm vụ và theo đúng lộ trình của Đề án 06/CP đã đặt ra. Với sự quyết liệt chỉ đạo và sự sáng tạo, bản lĩnh trong tổ chức thực hiện, cùng sự đồng lòng, ủng hộ và hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhờ đó đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo chỉ đạo, gồm **63 nhiệm vụ**, cụ thể:

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 11 nhiệm vụ;
- Tổng số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên và thực hiện theo lộ trình Đề án: 52 nhiệm vụ (trong thời gian triển khai thực hiện).

Kết quả các chỉ tiêu chuyển đổi số gắn với Đề án 06 chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

(1) Tỉnh ủy ban hành **04** kế hoạch, **03** quyết định, **08** văn bản¹, UBND

¹ Diễn hình: Kế hoạch số 305-KH/TU ngày 20/2/2025 về triển khai quán triệt, tuyên truyền và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 328-KH/TU ngày 24/4/2025 về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

tỉnh ban hành **14** kế hoạch, **97** quyết định, **78** công văn để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện, đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh;

- Thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh² do đồng chí **Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng Ban Chỉ đạo**, các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy là thành viên Ban Chỉ đạo cùng Thủ trưởng các sở, ban, ngành; xây dựng Quy chế làm việc, thông báo phân công nhiệm vụ³ của các thành viên Ban Chỉ đạo. Ban hành Kế hoạch hành động và Chương trình công tác năm 2025 với nhiệm vụ, lộ trình, sản phẩm cụ thể. Thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo tỉnh, Tổ Công tác liên ngành⁴ giám sát, Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Đề án 06;

- Thực hiện nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Đề án, như: (1) Tổ chức **05** hội nghị⁵ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì để rà soát, đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn của các đơn vị, địa phương; (2) Kiểm tra, hướng dẫn tại **04** Sở, ngành⁶ để đánh giá thực tế, khách quan việc triển khai nhiệm vụ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và rút kinh nghiệm phục vụ công tác chỉ đạo; (3) Triển khai nhiều chiến dịch, cao điểm thực hiện các nhiệm vụ Đề án, như: Chiến dịch tích hợp Thẻ bảo hiểm y tế để hình thành Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; Chiến dịch 30 ngày đêm số hóa dữ liệu hộ tịch; Cao điểm 50 ngày đêm cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho người nước ngoài; Cao điểm 90 ngày, đêm làm sạch dữ liệu hôn nhân và cắt giảm thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân”; (4) Cử Đoàn công tác học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tại tỉnh Bình Dương và Đồng Nai;

- Tại các phiên họp thường kỳ UBND tỉnh, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, quán triệt, phân công, giao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ Đề án. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương bám sát các nhiệm vụ được giao để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý, giải quyết công việc, đặc biệt, là việc kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn.

chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 28/6/2025 kế hoạch hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng, yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Nghệ An...

² Quyết định số 3404-QĐ/TU ngày 24/3/2025 của Tỉnh ủy Nghệ An về thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh Nghệ An.

³ Thông báo số 01-TB/BCĐ ngày 10/6/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh; Quy chế số 01-QC/BCĐ ngày 10/6/2025 về quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tỉnh.

⁴ Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 26/6/2025 của Ban chỉ đạo tỉnh; Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 28/6/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh.

⁵ Ngày 12/3/2025, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết Đề án 06/CP năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Ngày 18/4/2025, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã tổ chức Họp phiên thứ nhất họp để cho ý kiến các dự thảo Thông báo phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo và các nội dung quan trọng khác; Ngày 24/6/2025, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức Họp phiên thứ 2 để triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới...

⁶ Gồm: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội khu vực 7.

(2) Công an tỉnh đã thực hiện tốt vai trò Cơ quan thường trực Đề án 06:

- Giúp điều phối, triển khai hiệu quả các hoạt động của Ban chỉ đạo tỉnh về Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số gắn với Đề án 06, duy trì mối liên hệ chặt chẽ giữa các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Tham mưu thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo và chuẩn bị nội dung, điều kiện phục vụ các Hội nghị của Trung ương, các cuộc họp, giao ban định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo; định kỳ hàng tháng Thông báo kết quả Đề án trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, bám sát các nhiệm vụ, kịp thời tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh để đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh;

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn Công tác làm việc với sở, ngành; thành lập Đoàn công tác học hỏi kinh nghiệm tại các tỉnh/thành phố triển khai hiệu quả, có cách làm hay, sáng tạo trong triển khai các nhiệm vụ Đề án. Chủ động, khâu nối, phối hợp với Bộ Công an kiểm tra, đánh giá vào ngày 02/7/2025 về mức độ sẵn sàng, tính thông suốt và thống nhất của hệ thống giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh khi thực hiện mô hình tổ chức hành chính mới;

- Chủ động phối hợp với các đơn vị (Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội...) trong triển khai làm sạch dữ liệu chuyên ngành; cấp tài khoản an sinh; thanh toán không dùng tiền mặt...

(3) Các sở, ban, ngành, địa phương đã quyết liệt chỉ đạo, triển khai các nội dung của Đề án trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách; thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo, ban hành các văn bản triển khai thực hiện văn bản của Trung ương, của tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình địa phương, đưa các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW vào văn kiện, nghị quyết Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 - 2030 của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Chủ động nắm bắt thông tin, phối hợp với các Bộ, ngành chủ quản triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo yêu cầu, đảm bảo mục tiêu, tiến độ Đề án, trong đó nổi bật các đơn vị như: Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh...

(4) Công tác tuyên truyền:

- Thường trực Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch quán triệt, tuyên truyền và thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW⁷. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức quán triệt, triển khai các kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, phát động phong trào thi đua trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06⁸.

⁷ Kế hoạch số 305-KH/TU, ngày 20/02/2025 về quán triệt, tuyên truyền và thực hiện Chương trình hành động Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

⁸ Kế hoạch 378/KH-UBND về phát động phong trào "Bình dân học vụ số"; Kế hoạch số 420/KH-UBND, ngày 04/06/2025 của UBND tỉnh về tổ chức quán triệt, triển khai các kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Lễ phát động phong trào "Bình dân học vụ số"; Kế hoạch số 430/KH-UBND,

Đặc biệt, đẩy mạnh tuyên truyền về chính quyền địa phương hai cấp thay đổi phương thức quản trị, xây dựng chính quyền theo hướng gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn, mở rộng không gian phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh và liên kết vùng;

- Ngày 11/6/2025, tỉnh Nghệ An đã tổ chức Lễ phát động phong trào “Bình dân học vụ số”. Sự kiện được tổ chức trực tiếp (tại Đại học Nghệ An), kết nối trực tuyến đến 20 huyện, thành, thị và 412 xã, phường, thị trấn và livestream trên nền tảng mạng xã hội. Các sở, ban, ngành, địa phương đã tổ chức phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức trên nền tảng Bình dân học vụ số. Triển khai chiến dịch ra quân **“đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng để phát triển kinh tế số, tiện ích Sổ sức khỏe điện tử và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID”**.

- Tăng cường tuyên truyền trên các mạng xã hội (như Facebook, Zalo, Tiktok) bằng nhiều hình thức sáng tạo như liên hệ các cá nhân có ảnh hưởng để xây dựng các video tuyên truyền Đề án 06/CP; thiết kế khung hình ảnh đại diện lô gô ứng dụng VNeID để người dân sử dụng đăng trên các trang mạng xã hội...

2. Về hoàn thiện thể chế

(1) Các cơ chế, chính sách mang tính xuyên suốt, toàn diện cơ bản đã được tỉnh Nghệ An ban hành (KH 328-KH/TU, KH 331-KH/TU của Tỉnh ủy; KH 348/KH-UBND, KH 378/KH-UBND...). Đây là các văn bản cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, phù hợp với tình hình của tỉnh Nghệ An. Một trong những nội dung được thể chế hóa sớm nhất, cụ thể nhất là Kế hoạch số 378/KH-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh về phát động Phong trào “Bình dân học vụ số”.

(2) Tập trung rà soát, đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến nhiệm vụ Đề án 06 và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp:

- UBND tỉnh đã ban hành **01** quyết định để bãi bỏ toàn bộ **04** quyết định⁹ và **01** chỉ thị¹⁰.

- Ngày 19/6/2025, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 5722/TTr-UBND về dự thảo Nghị quyết quy định miễn phí, lệ phí thực hiện TTHC thông qua DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại Kỳ họp tháng 7/2025.

- Tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ 15 bài toán lớn của tỉnh Nghệ An về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số (Công văn số 4694/UBND-VX ngày 27/5/2025), đã được đăng tải lên Cổng thông tin điện tử thực hiện Nghị quyết 57 tỉnh Nghệ An tại địa chỉ <https://nq57.nghean.gov.vn>.

- Tổ chức rà soát **1.158** văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung theo định hướng sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013. Ban hành **109**

ngày 06/06/2025 của UBND tỉnh về Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

⁹ Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 27/10/2014; Quyết định số 86/2014/QĐ-UBND ngày 08/11/2014; Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 19/8/2019; Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 14/01/2021.

¹⁰ Chỉ thị số 26/2012/CT-UBND ngày 01/12/2012.

quyết định công bố, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC phục vụ triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

3. Về cải cách thủ tục hành chính

(1) UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát **179** TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành; đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ để sử dụng thông tin tích hợp trên VNeID thay thế giấy tờ yêu cầu trong thành phần hồ sơ; báo cáo Bộ Công an kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Dữ liệu¹¹. Đến nay đã rà soát, cấu trúc lại toàn bộ TTHC để xử lý trên môi trường điện tử, hoàn thành công bố, công khai **2.146** thủ tục trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC (**1.755** TTHC cấp tỉnh và **319** TTHC cấp xã); đồng thời, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Ngày 28/6/2025, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 513/TB-UBND về công khai địa chỉ trụ sở và số điện thoại đường dây nóng của 131 Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

(2) Để phục vụ triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đặc biệt công tác giải quyết TTHC, ngày 24/6/2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 496/KH-UBND triển khai 05 Nền tảng/Hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh, đến nay tất cả các hệ thống đã hoàn thành theo yêu cầu của Trung ương, cụ thể: (1) Hệ thống giải quyết quyết TTHC đã hoàn thành kết nối với Cổng DVC quốc gia; hoàn thành triển khai SSO, sử dụng tài khoản VNeID là tài khoản duy nhất khi thực hiện TTHC; kết nối cơ sở dữ liệu/Hệ thống thông tin bộ ngành, hệ thống EMC; hoàn thành cung cấp tài khoản, chữ ký số cho cán bộ, công chức, cơ quan đối với 130 UBND cấp xã; đồng bộ với kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trước đây; (2) Hệ thống quản lý văn bản đã hoàn thành cấu hình cơ quan, tổ chức với mã định danh mới; cấp mới 5.063 tài khoản, lũy kế gần 20 ngàn tài khoản đang sử dụng; (3) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu đã hoàn thành đồng bộ mã định danh, cấu hình các dịch vụ dữ liệu và điều chỉnh các API (4) Hệ thống Thông tin báo cáo đảm bảo vận hành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đã cấp 1.300 tài khoản cho cán bộ các cấp; (5) Hệ thống hợp trực tuyến đã triển khai hợp trực tuyến từ Trung ương đến cấp xã.

(3) Kết quả giải quyết TTHC, số hóa dữ liệu, tài liệu: Theo đánh giá bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn, trong hạn đạt **95,57%**; DVC trực tuyến đạt **72,9%**; thanh toán trực tuyến đạt **77,9%**; mức độ hài lòng đạt **98,3%**; Số hóa hồ sơ đạt **82,5%** (tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 69,61%).

(4) Kết quả triển khai các DVC thiết yếu theo Đề án 06/CP, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 và Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ chi tiết tại Phụ lục số 2 gửi kèm theo. Việc cắt giảm thành phần hồ sơ, thực hiện DVC trực tuyến đã cắt giảm thời gian, chi phí, nguồn nhân lực cho người dân, doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý, điều

¹¹ Công văn số 5334/UBND-NC ngày 11/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An.

hình như trong ngành giáo dục, đối với DVC “*Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học cao đẳng*”, đây là năm thứ 4 triển khai dưới hình thức đăng ký trực tuyến, trong kỳ thi năm 2025, đã có **hơn 40.000** thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến, **tiết kiệm trên 500 triệu đồng**; đối với **03** thủ tục hành chính: “*Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số*”, “*Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người*”, “*Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh*”, **giúp tiết kiệm 01 tỷ đồng/năm**.

(5) Rà soát, đánh giá hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in... các cấp:

- Hệ thống công nghệ thông tin (*đường truyền, hệ thống dùng chung...*) đã được triển khai hoàn thiện, đồng bộ từ tỉnh đến cấp xã với băng thông đường truyền mạng tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công trên 100Mbps, đồng thời, các hệ thống đều được phê duyệt cấp độ 3 và triển khai hồ sơ theo cấp độ đảm bảo các hệ thống kết nối liên thông, ổn định, thông suốt, an toàn thông tin phục vụ công tác giải quyết TTHC, công tác chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cấp xã;

- Các trang thiết bị phục vụ giải quyết TTHC, công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước (máy tính, máy in, máy scan...) đã được trang bị đầy đủ, hoạt động ổn định tại 100% các đơn vị trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tại cấp xã.

4. Phát triển kinh tế xã hội

(1) Kết quả ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD/CC, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

- *Ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng*: **100%** các ngân hàng trên địa bàn thực hiện các giao dịch bằng thẻ CCCD/CC, đến nay, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính có trụ sở trên địa bàn tỉnh đạt **85%**. Việc ứng dụng thẻ CCCD-CC gắn chip điện tử trong hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng đã góp phần số hóa, tạo lập dữ liệu sạch, tiết kiệm chi phí quản lý của các tổ chức tín dụng, mở rộng nhiều tiện ích cho người dân, tăng nhanh thanh toán không dùng tiền mặt;

Các Ngân hàng (Viettinbank, BIDV, PVcombank, VIB) có trụ sở tại Nghệ An đã triển khai giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư trong đánh giá khả tín khách hàng vay phục vụ cho an sinh xã hội, đến nay, trên địa bàn tỉnh đã cho vay **3.396** khách hàng với dư nợ trên **150.654 tỷ đồng**;

- *Ứng dụng trong lĩnh vực y tế*: **529/529** (đạt 100%) cơ sở KCB bảo hiểm y tế (BHYT) đã thực hiện việc sử dụng thẻ CCCD/CC thay thế BHYT trong KCB với **7.817.974** lượt tra cứu thành công, tạo thuận lợi cho người dân khi không phải mang nhiều loại giấy tờ khi đi khám, chữa bệnh. Bên cạnh đó, triển khai mô hình khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ với **09** Kiosk y tế thông minh tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh;

- *Ứng dụng trong lĩnh vực BHXH*: Đồng bộ thông tin người tham gia BHYT với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với **2.866.688** trường hợp, giúp xác định chính xác người đi KCB bằng BHYT, tránh giả mạo, trục lợi bảo hiểm,...

- *Ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo*: Ứng dụng dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trong thi, tuyển sinh THPT, xét tuyển đại học, cao đẳng; Giúp cho học sinh đăng ký thi trực tuyến, tra cứu thông tin; các trường học thuận lợi trong việc tra cứu, xác thực thông tin về học sinh;

- *Ứng dụng trong lĩnh vực Giao thông vận tải*: Đã trang bị, lắp đặt thiết bị đọc thẻ CCCD/CD và nhận dạng khuôn mặt tại **16/16** Trung tâm sát hạch lái xe góp phần giảm tình trạng tráo người trong quá trình đăng ký, thi sát hạch lái xe;

- *Ứng dụng trong đền ơn, đáp nghĩa*: Công an tỉnh đã phối hợp Cục C06 triển khai thu nhận mẫu ADN cho **438 thân nhân** các liệt sỹ chưa xác định được danh tính trên địa bàn tỉnh để đưa vào ngân hàng GEN phục vụ công tác tìm kiếm, sớm quy tập, đưa các anh hùng liệt sỹ về với gia đình. Bước đầu đã xác định được **03** liệt sỹ trùng thông tin với thân nhân đã làm thủ tục bàn giao cho gia đình.

(2) Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt

- *Lĩnh vực chi trả an sinh xã hội*: Đến nay, **91,85%** đối tượng người có công đang quản lý đã được mở tài khoản, đã chi trả cho **74,75%** đối tượng đã mở tài khoản; **79,22%** đối tượng bảo trợ xã hội hiện đang quản lý đã mở tài khoản, thực hiện chi trả cho **63,19%** đối tượng đã mở tài khoản;

- *Lĩnh vực Y tế, Giáo dục*: (i) 100% cơ sở KCB đã triển khai thanh toán viện phí, dịch vụ y tế không dùng tiền mặt, với số tiền hàng tháng trên **150** tỷ đồng; (ii) **100%** trường học triển khai thu, nộp học phí không dùng tiền mặt trong năm 2024-2025 với **97,91%** học sinh, phụ huynh học sinh thanh toán học phí bằng hình thức không dùng tiền mặt;

- *Lĩnh vực BHXH*: Tổng số người và lượt người trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhận các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân đạt tỷ lệ **94%**.

(3) Bệnh án điện tử đã triển khai tại **22/49** bệnh viện, là địa phương dẫn đầu cả nước về kết quả triển khai; **904/941** cơ sở KCB đã được duyệt cấp mã liên thông phục vụ kê đơn thuốc điện tử, quản lý kê đơn thuốc, bán thuốc theo đơn điện tử. Đẩy mạnh định danh tổ chức, đến nay **6.825** doanh nghiệp, hợp tác xã và **439/439** cơ quan Công an đã được thu nhận hồ sơ định danh tổ chức.

(4) Triển khai hóa đơn điện tử: Có **4.808** người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối với cơ quan thuế; hơn **20,8 triệu** hóa đơn đã được sử dụng; cài đặt eTax Mobile **58.798** tài khoản cá nhân.

(Đánh giá chi tiết các tiện ích tại Phụ lục 3 gửi kèm theo)

5. Về phát triển công dân số

- Công tác cấp CCCD/CC: Công an tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp đảm bảo 100% công dân trên địa bàn được cấp CC và tài khoản định danh điện tử, đến nay, đã cấp **3.288.519** thẻ CCCD/CC và **2.186.289** tài khoản định danh điện tử;

- Triển khai Sổ sức khỏe điện tử và các tiện ích trên VNeID được tập trung chỉ đạo, đạt được một số kết quả nổi bật: Tích hợp **715.954** sổ sức khỏe

điện tử, **23.507** giấy chuyển tuyến, **88.710** giấy hẹn khám lại trên VNeID; **100%** hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiếp nhận qua VNeID và cổng DVC Quốc gia;

- Đến nay, **3.777** thôn, bản đã được phủ sóng băng rộng di động và cáp quang băng rộng, tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động đạt **99,73%**, trong đó, phủ sóng di động 5G toàn Thành phố Vinh cũ và một số Khu công nghiệp WHA, VSIP; **100%** địa bàn dân cư, Khu công nghiệp, Khu chế xuất đã được phủ cáp quang công nghệ XGSPON; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt **81,6%**; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt **94,4%**. Toàn tỉnh có **125.695** chứng thư số cá nhân và đang còn hiệu lực.

6. Về tạo lập dữ liệu dùng chung, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin

6.1. Về dữ liệu

(1) Về chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu:

- *Ngành BHXH*: Số lượng công dân đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN đã xác thực được với dữ liệu dân cư đạt tỷ lệ **99,89%**. Đồng thời thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an và Bảo hiểm xã hội Việt Nam về triển khai phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, Công an tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh đã rà soát, làm sạch **159.576** dữ liệu;

- *Ngành Thuế*: Đã phối hợp ngành Công an rà soát, chuẩn hóa **349.963** mã số thuế cá nhân và gần **400** mã số thuế tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- *Ngành Tư pháp*: **100%** dữ liệu hộ tịch, gồm **1.454.351** dữ liệu hộ tịch mới và **2.179.921** dữ liệu hộ tịch cũ được số hóa vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;

- *Số hóa dữ liệu đất đai*: Nghệ An đã triển khai Dự án tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG) từ năm 2019, đến nay, đã số hóa, cập nhật, làm giàu cơ sở dữ liệu đất đai với **1.821.302** dữ liệu hồ sơ quét, **2.986.514** dữ liệu không gian địa chính. Ngày 24/6/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An đã làm việc với Cục C06, Bộ Công an và Cục chuyển đổi số, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để kết nối, làm sạch, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cắt giảm TTHC;

- *Ngành Nội vụ*: Đã thu thập và cập nhật **2.460.672** dữ liệu thông tin người lao động vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đạt 100%; đã làm sạch, chuẩn hóa **241.139** dữ liệu của lĩnh vực người có công và giáo dục nghề nghiệp; **158.145** dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội còn thiếu thông tin trên địa bàn tỉnh;

- Công an tỉnh đẩy mạnh làm sạch dữ liệu dân cư, qua đó dữ liệu hộ khẩu, nhân khẩu đã được làm sạch “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ việc kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cụ thể: ⁽¹⁾Đã làm sạch 27.011 dữ liệu thông tin nhà mạng (đạt 100%); 2.815.432 dữ liệu công dân thiếu trường thông tin cha mẹ (đạt 100%); ⁽²⁾Phối hợp Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu Chiến binh thực hiện cập nhật 1.024.412/1.024.412 trường hợp (đạt 100%); ⁽³⁾Phối hợp ngành Nội vụ làm sạch đối tượng người có công và hưởng an sinh xã hội 249.568/249.568 trường hợp (đạt 100%); ⁽⁴⁾Cập nhật lịch sử thường trú cho 47.742/47.742 trường hợp học

sinh thi đại học, THPT và THCS; ⁽⁵⁾Phối hợp với ngành Y tế làm sạch dữ liệu tiêm chủng với 7.159.417 mũi tiêm lên hệ thống tiêm chủng Quốc gia; ⁽⁷⁾Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh làm sạch 13.450/13.450 dữ liệu (đạt 100%) công nhân đóng bảo hiểm xã hội tại các khu công nghiệp; ⁽⁸⁾Phối hợp với ngành Nông nghiệp và Môi trường làm sạch 131.010/131.010 dữ liệu (đạt 100%).

(2) Xây dựng Kho dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức để phục vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (<https://data.nghean.gov.vn>)¹².

(3) Xây dựng, vận hành IOC tỉnh Nghệ An: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 655/KH-UBND ngày 22/8/2024 triển khai Giai đoạn 2 Đề án thí điểm xây dựng IOC tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020 - 2025, định hướng 2030. Đến nay đã tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng và tổ chức hội thảo khoa học về triển khai IOC (trong tháng 5/2025). Hiện đang thực hiện các bước đầu tư IOC theo quy định, trình tự (đang đến bước thẩm định kỹ thuật Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin), dự kiến đưa IOC Nghệ An vào hoạt động trong **tháng 9/2025**.

6.2. Về hạ tầng công nghệ thông tin

- Hoàn thành nâng cấp, mở rộng các hệ thống thông tin hiện có, bảo đảm vận hành phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền mới, đáp ứng kết nối, liên thông, đẩy mạnh các hoạt động của cán bộ, công chức trên môi trường điện tử. Trong đó, tập trung một số hệ thống thông tin quan trọng như: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (theo hướng “Một cửa số”); Hệ thống giao ban trực tuyến 2 chiều đến 130 xã¹³; Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối 130 xã để báo cáo trên môi trường số. Đã hoàn thành cập nhật đầy đủ người dùng lên hệ thống SSO đảm bảo người dùng truy cập hệ thống giải quyết thủ tục hành chính bằng tài khoản VNeID. Hiện đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để triển khai hệ thống đăng nhập một lần (SSO) cho các hệ thống/Nền tảng dùng chung của tỉnh;

- Về hạ tầng số trong cơ quan nhà nước: Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước đã hoàn thành cấp tỉnh cấp độ mật, tối mật và hoàn thành đến cấp xã cấp độ mật, đúng tiến độ theo yêu cầu của Trung ương trước ngày 20/6/2025. **10** nền tảng số, phần mềm dùng chung của tỉnh đều được triển khai trên các nền tảng điện toán đám mây bảo đảm vận hành hiệu quả, an toàn thông tin (được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ CNTT)¹⁴; **100%** cán bộ, công chức toàn tỉnh có máy tính sử dụng, kết nối mạng LAN, mạng Internet. **100%** các cơ quan nhà nước, từ cấp tỉnh đến cấp xã được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng với trên **372** điểm kết nối (sau sáp

¹² Quyết định số 22/2223/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 về quyết định ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An.

¹³ Đã thử nghiệm lần 2 và kết nối chính thức phục vụ phiên thử nghiệm hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp, kết quả tốt.

¹⁴ Gồm: Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An (VNPT VSR); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (VNPT iGate); Hệ thống Cổng thông tin điện tử Nghệ An (vnPortal); Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành liên thông 04 cấp trong các cơ quan nhà nước (VNPT iOffice); Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) tỉnh Nghệ An; Mạng Truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Nghệ An; Hệ thống phần mềm Quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Nghệ An (VNPT CCVC); Hệ thống phần mềm giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An (VNPT IMS); Hệ thống quản lý CSDL công chứng, chứng thực tỉnh Nghệ An (VNPT CCCT); Hệ thống Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Nghệ An trên thiết bị di động.

nhập). Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; người dùng có thể truy cập cho song song địa chỉ IPv4 và IPv6 trên môi trường mạng;

- Công an tỉnh đang phối hợp triển khai **24 Kiosk** dịch vụ công tại Bộ phận một cửa Công an các đơn vị, địa phương.

6.3. Về an ninh, an toàn

- **100%** hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh đã được lập, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được đề xuất. Ngày 02/7/2025 Đoàn kiểm tra an ninh, an toàn thông tin của Tổ Công tác Đề án 06 Chính phủ đã kiểm tra tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và một số UBND cấp xã, qua kiểm tra đánh giá Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và phương án đảm bảo ATTT cơ bản đạt yêu cầu;

- Tiếp tục thuê dịch vụ Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp. Đã cài đặt bổ sung phần mềm an toàn thông tin cho **708** máy tính tại 130 xã mới.

7. Nguồn lực triển khai

(1) Về kinh phí: Đề nghị Trung ương hỗ trợ **80,367** tỷ đồng phục vụ triển khai Đề án 06¹⁵. Bố trí ngân sách cho triển khai khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính và Đề án 06 năm 2025 với số tiền **120,831** tỷ đồng¹⁶.

(2) Về nguồn nhân lực

- Các cơ quan, địa phương đã bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin hoặc có công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ. Để đảm bảo nhân lực triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, giải quyết TTHC theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, ngày 27/6/2025, UBND tỉnh đã tổ chức tập huấn (theo hình thức trực tuyến) cho gần **2.000** học viên của 130 UBND cấp xã;

- Để đảm bảo nguồn nhân lực trong dài hạn, ngày 22/5/2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 374/KH-UBND về tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, gắn với chiến lược phát triển giáo dục; Nghị quyết đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đáp ứng hội nhập quốc tế trong tình hình mới của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Đồng thời, trong tháng 7 ban hành kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho 4 nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Phát huy hiệu quả “Tổ công nghệ số cộng đồng”, “Đội hỗ trợ phản ứng nhanh” với **23.314** thành viên (3.793 tổ tại cấp thôn, xóm) để “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc cho cán bộ, người dân, doanh nghiệp tại cơ sở.

¹⁵ Công văn số 11469/UBND-KSTT ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh.

¹⁶ Tỷ lệ giải ngân tính đến ngày 30/5/2025: 17%; Lĩnh vực giải ngân: Đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh: 08 tỷ đồng; Hoạt động mua sắm và thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ truyền thông, thông tin: 06 tỷ đồng; Đầu tư tăng cường tiềm lực: 4,8 tỷ đồng; Quản lý nhà nước: 1,2 tỷ đồng.

8. Kết quả triển khai các mô hình điểm Đề án 06/CP

Đã ban hành Kế hoạch số 762/KH-TCT để triển khai 05 nhóm tiện ích bao gồm 38 mô hình điểm; đến nay, đã hoàn thành 20 mô hình¹⁷. Đối với 18 mô hình đang triển khai, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, chủ động trao đổi, phối hợp với các đầu mối của Cục C06, Bộ chủ quản để triển khai thực hiện đảm bảo theo lộ trình, tiến độ, mục tiêu đề ra (Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo).

9. Về Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành triển khai các nhiệm vụ để phục vụ Trung tâm dữ liệu quốc gia đi vào vận hành trong tháng 8/2025. Đến nay, các nội dung phục vụ xây dựng Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; tổng hợp số liệu khảo sát¹⁸, xác định nhu cầu triển khai hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia¹⁹; tổng hợp số liệu khảo sát hiện trạng hạ tầng CNTT và nhu cầu đối với Trung tâm dữ liệu Quốc gia; tổ chức nghiên cứu, góp ý²⁰ dự thảo các văn bản triển khai Đề án Trung tâm dữ liệu Quốc gia được thực hiện theo đúng yêu cầu, tiến độ của Bộ Công an.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm:

- Việc triển khai Đề án 06/CP được Tỉnh ủy, UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, quyết liệt và sâu sát; công tác xây dựng, hoàn thiện thể

¹⁷ Mô hình 1- Triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu (Mô hình chung); Mô hình 3: Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy; Mô hình 5: Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID (VPUBND tỉnh); Mô hình 06 - Khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước và VNeID (Sở Y tế); Mô hình 9 - Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà trọ; Nhà nghỉ; Khách sạn 2-3*; Khách sạn 4*; Khách sạn 5*; Nhà khách; Nhà công vụ (Công an tỉnh); Mô hình 14 - Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe (Sở Giao thông vận tải); Mô hình 15 - Triển khai giải pháp xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trật tự an toàn xã hội (Công an tỉnh); Mô hình 16 - Triển khai cho vay tín chấp công dân (NHNN chi nhánh tỉnh Nghệ An); Mô hình 18: Phát triển du lịch, gắn với phát triển đặc sản vùng miền hỗ trợ người dân ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh xác thực điện tử trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế số (Sở Du lịch); Mô hình 19 - Đảm bảo điều kiện công dân số; Mô hình 20 - Chuẩn hóa xác thực tập trung SSO (Sở Thông tin và Truyền thông); Mô hình 21 - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) (Sở Thông tin và Truyền thông); Mô hình 22 - Truyền thông nội bộ cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước (Sở Thông tin và Truyền thông); Mô hình 23 - Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp phích, Truyền thanh cơ sở, Truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số (Sở Văn hóa Thể thao); Mô hình 24 - Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở MOOC (Sở Thông tin và Truyền thông); Mô hình 25 - Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID (Công an tỉnh); Mô hình 26 - Triển khai tuyên truyền chính sách, hỗ trợ pháp lý qua ứng dụng VNeID, Call Center (Sở Tư pháp); Mô hình 31 - Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, như: lao động thương binh xã hội, các tổ chức, đoàn hội ... Phục vụ cải cách TTHC; Mô hình 37 - Triển khai cuộc thi sáng kiến phát triển ứng dụng khai thác dữ liệu phục vụ xây dựng Chính phủ số, xã hội số và nền kinh tế số (Mô hình chung); Mô hình 38 - Trung tâm Giám sát an ninh mạng SOC Tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông).

¹⁸ Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 27/02/2024 về báo cáo kết quả khảo sát một số nội dung phục vụ xây dựng chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; Báo cáo số 1177/SKHCN ngày 16/6/2025 về cung cấp dữ liệu khảo sát bổ sung phục vụ triển khai dự án Công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1.

¹⁹ Công văn số 6366/UBND-KSTT ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh gửi Cục C06- Bộ Công an về kết quả khảo sát các thông tin phục vụ triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia.

²⁰ Công văn số 3487/UBND-NC ngày 03/5/2024 về việc tham gia ý kiến dự thảo Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; Công văn số 3764/UBND-NC ngày 10/5/2024 về tham gia ý kiến dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; Công văn số 10419/UBND-NC ngày 22/11/2024 về tham gia ý kiến các dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ủy ban Quốc gia về dữ liệu, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

chế được quan tâm chỉ đạo, các cơ chế, chính sách mang tính xuyên suốt, toàn diện trong triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành; qua đó đã huy động được sức mạnh của cả Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án;

- Đặc biệt, chủ động xây dựng kế hoạch mở nhiều đợt cao điểm để làm giàu dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành. Chủ động chọn các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Quan tâm đầu tư kinh phí, xây dựng các nền tảng dữ liệu, hạ tầng CNTT phục vụ triển khai chính quyền địa phương hai cấp không để xảy ra bị động, gián đoạn hoặc lỗi trong quá trình vận hành, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo đúng tiến độ đề ra, được người dân, doanh nghiệp đánh giá rất cao. Nhiều chỉ số, chỉ tiêu tăng cao so với 6 tháng cuối năm 2024.

Ghi nhận kết quả, nỗ lực triển khai Đề án 06 của tỉnh Nghệ An, trong 6 tháng đầu năm 2025, ***Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ đã 02 lần biểu dương²¹ Nghệ An là một trong những địa phương thực hiện có hiệu quả Đề án 06/CP với nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo.***

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số nơi người đứng đầu chưa thực sự sâu sát, quyết liệt trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu công tác, làm việc cầm chừng, có tâm lý sợ sai, đặc biệt là sau khi có chủ trương bỏ cấp huyện và sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã;

- Đầu tư về hạ tầng CNTT tại một số đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức, trang thiết bị đã xuống cấp, thiếu đồng bộ, đồng thời, không bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ Đề án hàng năm theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Nguồn nhân lực dù đã được quan tâm bố trí, đào tạo, tập huấn tuy nhiên nhiều nơi còn thiếu và trình độ CNTT chưa đáp ứng yêu cầu;

- Một số nhiệm vụ tiến độ triển khai còn chậm như triển khai chữ ký số điện tử cá nhân, khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã số hóa.

3. Khó khăn, điểm nghẽn

3.1. Về pháp lý

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan chưa hoàn thiện, việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật của địa phương đang phải chờ hướng dẫn của Trung ương;

- Việc thẩm định các nhiệm vụ, dự án CNTT/chuyển đổi số gặp khó khăn do thiếu tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; chưa có quy định rõ ràng về đơn giá, định mức chi cho chuyển đổi số;

²¹ Tại Báo cáo số 1157/BC-BCA ngày 04/5/2025 về tình hình kết quả triển khai Đề án 06/CP tháng 4/2025 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 5/2025 và Báo cáo số 1428/BC-TCT06 ngày 01/6/2025 về tình hình, kết quả triển khai Đề án 06/CP tháng 5/2025 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm tháng 6/2025.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW là một Nghị quyết lớn, nhiều nội dung mới, khó, phạm vi ảnh hưởng rộng, yêu cầu cao, thực hiện đồng thời với nhiệm vụ sắp xếp, tinh gọn bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp. Do đó, việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, của địa phương gặp những khó khăn, nhiều chỉ tiêu khó định lượng, có sự thay đổi trong quá trình triển khai mô hình tổ chức bộ máy mới.

3.2. Về dữ liệu

Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu do các Bộ, ngành Trung ương trực tiếp quản lý, các địa phương chỉ khai thác, sử dụng, cập nhật lên hệ thống, tuy nhiên, các hệ thống này còn mang tính cục bộ, sự kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống còn hạn chế, dẫn đến việc khai thác dữ liệu đã được số hóa và việc thống kê, theo dõi, giám sát của địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

3.3. Về hạ tầng công nghệ thông tin

- Việc sáp nhập các xã, không tổ chức chính quyền cấp huyện đặt ra nhiều khó khăn trong việc trang bị hạ tầng số (xây dựng lại hệ thống mạng máy tính, thiết bị đầu cuối giao ban trực tuyến, thiết bị một cửa điện tử...). Nghệ An có 130 xã, số lượng đầu tư cho hạ tầng số rất lớn;

- Hệ thống đường truyền chưa thực sự ổn định, trình tự thực hiện TTHC còn nhiều bước và giao diện chưa thực sự thân thiện người dùng đặc biệt là đối với nhóm người cao tuổi, hạn chế về CNTT dẫn đến người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia gặp nhiều khó khăn;

- Thực trạng một số TTHC đã được cắt giảm thành phần, biểu mẫu tuy nhiên quy trình điện tử thực hiện TTHC trên các Hệ thống giải quyết TTHC của các Bộ, ngành chủ quản chưa được điều chỉnh, cắt bỏ dẫn đến chồng chéo giữa công bố, công khai và thực tế nộp hồ sơ trên DVC;

- Đầu tư hạ tầng viễn thông, internet phụ thuộc doanh nghiệp. Chương trình viễn thông công ích của Bộ Khoa học và Công nghệ về đầu tư hạ tầng vùng công ích còn chậm. Nghệ An là tỉnh rộng, dân số đông, phân bố không đồng đều, địa hình phức tạp. Do đó, tiềm lực đầu tư cho hạ tầng KHCN, hạ tầng số rất lớn, trong khi điều kiện ngân sách của tỉnh còn khó khăn;

- Về hạ tầng phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan Đảng: việc triển khai Hệ điều hành tác nghiệp liên thông các cấp, từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã (độ mật) có nguy cơ chậm do gặp khó khăn trong bàn giao trang thiết bị đầu cuối, chưa có thông tin cán bộ cấp xã để cấp Token ký số.

3.4. Về bảo mật

Hệ thống trang thiết bị tại cấp xã hiện đã xuống cấp, được đầu tư, trang cấp không đồng bộ; nhiều thiết bị chưa được cài đặt hệ điều hành, phần mềm có bản quyền; phần mềm phòng chống mã độc. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế về nhận thức đối với vấn đề bảo mật, nhiều thiết bị không đặt mật khẩu đăng nhập, còn tồn tại tình trạng cán bộ lưu tài khoản, mật khẩu đăng nhập các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, các Cơ sở dữ liệu trên trình duyệt dẫn đến nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin.

3.5. Về nguồn lực

Trình độ CNTT của một bộ phận công chức, viên chức cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Bước đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bộ máy của Ủy ban nhân dân cấp xã chưa hoàn thiện, chưa định danh vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là lĩnh vực CNTT.

3.6. Đặc thù địa phương

Nhiều xã miền núi, rẻo cao điều kiện kinh tế, xã hội, hạ tầng còn khó khăn, có tỷ lệ dân cư là người dân tộc cao, sống rải rác, người dân đi làm ăn xa, có nhiều đối tượng sống đơn thân, khuyết tật, trẻ nhỏ không đủ điều kiện để mở thẻ An sinh xã hội hoặc khó khăn trong vận động, tuyên truyền. Việc sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân còn hạn chế, dẫn đến người dân lúng túng trong quá trình thực hiện trên môi trường điện tử.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Tiếp tục quán triệt, thống nhất về nhận thức trong cấp ủy, chính quyền các cấp; đẩy mạnh tuyên truyền về triển khai thực hiện Đề án 06/CP. Tăng cường tham mưu Thường trực Tỉnh ủy để chỉ đạo cả Hệ thống chính trị vào cuộc. Chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh tại cấp xã. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ Công tác Chính phủ và các Bộ ngành liên quan để kịp thời triển khai các nhiệm vụ Đề án 06/CP, tập trung nguồn lực đề ra các giải pháp giải quyết 50 điểm nghẽn trong triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW đã được Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Chính phủ chỉ ra đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra.

2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo hoạt động ngay, liên tục, hiệu lực, hiệu quả, không có khoảng trống pháp lý. Không làm gián đoạn việc quản lý, theo dõi, tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp và triển khai các nhiệm vụ của Đề án, đặc biệt tại cấp xã.

3. Tiếp tục xây dựng hạ tầng viễn thông vùng sâu, vùng xa; phủ sóng 5G đến các địa bàn đô thị. Rà soát, nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, bảo đảm vận hành liên tục, ổn định. Đẩy mạnh triển khai chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân, triển khai hiệu quả các tiện ích trên ứng dụng VNeID.

4. Đẩy nhanh số hóa lĩnh vực trọng điểm. Tập trung đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, tài liệu, kết nối chia sẻ dữ liệu trong các lĩnh vực dân cư, tư pháp, giáo dục, doanh nghiệp, phương tiện, ngân hàng, thuế, bảo hiểm.

5. Tăng cường an toàn, an ninh mạng, rà soát các hệ thống thông tin, cập nhật, bổ sung hồ sơ cấp độ an toàn thông tin; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ được phê duyệt.

6. Tiến hành kiểm tra việc thực hiện Đề án tối thiểu 30% UBND cấp xã. Tăng cường kiểm tra công vụ đối với cơ quan, tổ chức trong thực hiện các nhiệm vụ Đề án, xử lý nghiêm các cá nhân thiếu trách nhiệm, gây cản trở, khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý các điểm nghẽn trong quá trình triển khai thực hiện. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh, các đơn vị có liên quan.

7. Đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06/CP, nhất là tại cấp xã. Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kỹ năng số, kỹ năng bảo mật thông tin phục vụ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Ưu tiên bố trí ngân sách đối với việc triển khai Đề án 06 trên địa bàn.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện các hệ thống/nền tảng dùng chung, đảm bảo kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu, đồng thời, hoàn thiện hành lang pháp lý tạo sự thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công và thụ hưởng các tiện ích của Đề án 06/CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An báo cáo Bộ Công an tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục CSQLHC, Cục Pháp chế - Bộ Công an;
- Trưởng Ban BCĐ NQ57 tỉnh;
- Các thành viên BCĐ NQ57 tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KSTT (Kh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ, KINH TẾ SỐ VÀ CÔNG DÂN SỐ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số ~~608~~/BC-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	DANH MỤC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO	MỤC TIÊU	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
A	VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ				
1	Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
2	Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
3	Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥80	100
4	Người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥90	93,96
5	Thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay		Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	≥20	
6	Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	100
7	Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
8	Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100

9	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được gắn định danh cá nhân	%	Thông báo 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025	100	100
10	Các cơ sở dữ liệu quốc gia cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các bộ, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng	%	Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024	100	100
11	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.		Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024		- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 88,43%. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 69,61%
12	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.		Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021		Đã tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng với khoảng gần 2.000 học viên
13	Hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.	%	Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021	100	100
14	90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021		100
15	100% các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng được mạng lưới chuyển đổi số đến tận cấp cơ sở với đội ngũ thành viên được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng làm nòng cốt cho tiến trình chuyển đổi số trong các ngành, các cấp	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	100	100
16	Cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	100	100
17	Đào tạo được tối thiểu 1.000 chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số quốc gia.	số người	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	>=1.000	

18	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến, 40% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến		Thông báo 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025		100%
19	Cán bộ chuyên trách chuyên đổi số, công nghệ thông tin hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số và được đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo qua Hệ thống đánh giá, sát hạch chuẩn kỹ năng số quốc gia	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	100	100
20	Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh: cắt giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết TTHC, ít nhất 30% chi phí tuân thủ TTHC, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh		Công điện 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025		UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4917/UBND-KSTT ngày 02/6/2025 để chỉ đạo, trong đó giao cắt giảm thời gian giải quyết TTHC ít nhất 40%.
21	100% TTHC nội bộ được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa phù hợp với quy định mới của pháp luật về phân cấp, phân quyền, ủy quyền và việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	%	Công điện 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025	100	100
22	100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tiếp, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, minh bạch, giảm tối đa giấy tờ; tổ chức triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	Công điện 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025	100	100
23	100% sân bay, bến cảng, cửa khẩu ứng dụng công nghệ sinh trắc học trên nền tảng VneID	%	Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 14/3/2025	100	Chưa triển khai
B VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG DÂN SỐ					
1	Số người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	70	
2	Cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số	%	Quyết định 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022	50	
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	50	

4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
5	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	99.73
6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	99.73
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	50	50
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	30	
9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	90	19,02
10	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	81,6
12	Người sử dụng internet có cơ hội tiếp cận hoạt động nâng cao nhân thức, kỹ năng và công cụ đảm bảo an ninh an toàn mạng	%	Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022	80	
13	Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông và tối thiểu 40% số ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học		Quyết định 142/QĐ-TTg ngày 2/2/2024		
C VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ					
1	Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	20	
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=10	
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=10	
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=80	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=50	
6	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	>=2	

7	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	80	85
8	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	%	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022	70	
9	Doanh thu thị trường an toàn, an ninh mạng hàng năm tăng trưởng từ 20 - 30%		Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022		

UBND TỈNH NGHỆ AN

PHỤ LỤC 2
ĐÁNH GIÁ 55 DỊCH VỤ CÔNG THIẾT YẾU ĐÃ CUNG CẤP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

47	Liên thông các thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thuế	0	0										
48	Nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế	13609	13586	99.83%	3.82%								
49	Nhóm thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn	20770	20511	98.75%									
50	Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với hợp tác xã, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai	0	0										
51	Nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã và đăng ký thuế	15	14	93.33%									
52	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	5749	5,749	100%	0.08%								
53	Nhóm thủ tục Kiểm tra, xét duyệt nhân sự, cấp phép nhập cảnh cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an/ Kiểm tra, xét duyệt nhân sự, cấp phép nhập cảnh cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam qua giao dịch điện tử tại Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh	0	0										
54	Nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường	0	0										
55	Nhóm thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch - Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú - Cấp lại thẻ Căn cước công dân/Đổi thẻ Căn cước công dân	0	0										
TỔNG SỐ TIỀN TIẾT KIỂM									0	0	0		

PHỤ LỤC 3

TIỆN ÍCH, GIÁ TRỊ MANG LẠI TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 608/BC-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
A	NHÓM DVC						
1	76 DVC	(1) Tiết kiệm thời gian và công sức: Không cần phải đến cơ quan hành chính để thực hiện các thủ tục, mọi việc có thể được giải quyết một cách tiện lợi từ xa thông qua internet. (2) Thuận tiện và linh hoạt: Người dân có thể truy cập và sử dụng dịch vụ công mọi lúc, mọi nơi chỉ cần có kết nối internet. (3) Tăng cường minh bạch và công bằng: Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến giúp tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin dễ dàng và dịch vụ một cách công bằng, minh bạch hơn. (4) Giảm thiểu phiền hà, nhũng nhiều: Hạn chế	(1) Tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp có thể giảm chi phí về thời gian, nhân công và giấy tờ khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến. (2) Nâng cao năng lực cạnh tranh: Doanh nghiệp có thể tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.	08 Bộ, ngành chưa hoàn thành tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch công quốc gia đối với 06 TTHC theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	(1) Chưa đảm bảo về mặt kỹ thuật, hạ tầng, phần mềm đối với các nhóm TTHC còn lại; (2) Các đơn vị chưa tập trung khắc phục, giải quyết các vấn đề tồn tại.	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Liên đoàn Thương Mại và công nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Công an.	(1) Hoàn thiện tích hợp cung cấp trên cổng DVC quốc gia đối với các dịch vụ công thiết yếu còn lại. (2) Hoàn thành công bố danh mục Thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý. (3) Xây dựng giải pháp, công cụ triển khai cho người dân tham gia vào các dịch vụ thuận tiện, dễ thao tác. (4) Hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		việc tiếp xúc trực tiếp với cán bộ công chức, giảm thiểu nguy cơ phiền hà, những nhiễu, nâng cao chất lượng phục vụ.					trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.
2	02 DVC liên thông	Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 21 ngày làm việc xuống còn 04 ngày, giảm hồ sơ, giấy tờ phải chuẩn bị (<i>từ 03 mẫu đơn thành 01 mẫu đơn; các thông tin dân cư được tự động điền; giảm giấy tờ trùng lặp của thủ tục,...</i>), giảm thời gian, chi phí đi lại thực hiện thủ tục. “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trọ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” đã cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày		Trạng thái dữ liệu giữa các phần mềm của các bộ, ngành liên quan liên thông với Cổng dịch vụ công liên thông chậm, lỗi ảnh hưởng tới thời gian giải quyết thủ tục hành chính và chưa hoàn chỉnh các tính năng.	Hệ thống phần mềm của các bộ, ngành còn chưa hoạt động ổn định, xảy ra tắc nghẽn trong giờ cao điểm.		Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao tỷ lệ tham gia dịch vụ công liên thông trực tuyến cho người dân. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo đúng quy định.

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		<i>xuống còn 10 ngày làm việc.</i>					
B	NHÓM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI						
1	Tiện ích từ dữ liệu dân cư						
1.1	Xác thực làm sạch dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế xã hội	(1) Bảo vệ quyền riêng tư: Xác thực và làm sạch dữ liệu giúp đảm bảo tính chính xác, an toàn và bảo mật thông tin cá nhân của người dân, tránh khỏi nguy cơ bị đánh cắp, sử dụng trái phép. (2) Nâng cao chất lượng dịch vụ công: Dữ liệu chính xác giúp các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công hiệu quả, nhanh chóng và chính xác hơn cho người dân. (3) Tăng niềm tin của người dân vào chính quyền: Khi dữ liệu được xác thực và làm sạch, người dân sẽ tin tưởng hơn vào tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước. (4) Người dân có nhu cầu vay vốn dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn chính	(1) Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và tăng hiệu quả hoạt động: Dữ liệu chính xác giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định kinh doanh sáng suốt, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động. (2) Tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp không cần tốn chi phí cho việc thu thập, xử lý dữ liệu sai sót, thiếu chính xác. (3) Nâng cao năng lực cạnh tranh: Doanh nghiệp có dữ liệu chính xác sẽ có lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trên thị trường. (4) Tạo điều kiện cho phát triển và mở rộng hoạt động: Dữ liệu được xác thực giúp doanh nghiệp dễ dàng phát	Cơ sở dữ liệu của một số Bộ, ngành chưa được làm sạch để kết nối với CSDLQG về dân cư. Do đó, trong một số lĩnh vực, thông tin của công dân vẫn chưa được xác thực với CSDLQG về dân cư.	Các Bộ, ngành chưa hoàn thiện làm sạch và kết nối dữ liệu	Bộ, ngành	Các Bộ, ngành việc làm sạch, kết nối với CSDLQG về dân cư theo lộ trình của Đề án 06/CP.

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		thông, qua đó, giảm rủi ro phải vay “tín dụng đen”.	triển kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa chiến lược tiếp thị và mở rộng thị trường tiềm năng. (5) Giúp ngành ngân hàng kiểm soát, đánh giá rủi ro trong quá trình cung cấp dịch vụ và cho vay tín chấp, xác thực chính xác chủ thể tham gia giao dịch ngân hàng, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, giảm thời gian, quy trình xác minh, đẩy nhanh quá trình giải ngân.				
1.2	Phân tích dữ liệu dân cư phục vụ phát triển kinh tế, xã hội:	(1) Dễ dàng truy cập thông tin: Phân tích dữ liệu dân cư giúp người dân dễ dàng truy cập thông tin liên quan đến dịch vụ công, chính sách, và các nguồn lực xã hội để có sự lựa chọn và quyết định thông tin hơn. (2) Cải thiện an ninh trật tự: Dữ liệu được phân tích giúp cơ quan chức năng phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm hiệu quả	(1) Hỗ trợ quyết định chiến lược: Dữ liệu phân tích về dân số và nguồn lực xã hội giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về thị trường tiềm năng, đánh giá rủi ro và cơ hội, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược phù hợp. (2) Phát triển sản phẩm và dịch vụ: Dữ liệu phân tích cung cấp thông tin chi tiết về nhu cầu của khách hàng, giúp doanh nghiệp phát	Địa phương chưa phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai.			(1) Đẩy mạnh ứng dụng, bước đầu sử dụng các công cụ phục vụ khai phá dữ liệu lớn khi đã kết nối, đồng bộ cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. (2) Nâng cao trình độ, đảm bảo nguồn nhân lực có nghiệp vụ phân tích, xử lý dữ liệu lớn.

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		hơn, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cho xã hội. (3) Cải thiện chất lượng cuộc sống: Dữ liệu phân tích giúp hiểu rõ hơn về nhu cầu và mức độ hài lòng của người dân, từ đó có thể áp dụng chính sách phát triển xã hội phù hợp để cải thiện chất lượng cuộc sống của họ. (4) Người dân có nhu cầu vay vốn dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn chính thống, qua đó, giảm rủi ro phải vay “tín dụng đen”. (5) Giảm thời gian giao dịch tại các quầy thủ tục cho người dân. (6) Việc cho phép sử dụng tài khoản VNeID thay cho CCCD vật lý góp phần tạo thuận lợi cho người dân trong trường hợp quên hoặc thất lạc căn cước công dân.	triển sản phẩm và dịch vụ đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của thị trường. (3) Giúp ngành ngân hàng kiểm soát, đánh giá rủi ro trong quá trình cung cấp dịch vụ và cho vay tín chấp, xác thực chính xác chủ thể tham gia giao dịch ngân hàng, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, giảm thời gian, quy trình xác minh, đẩy nhanh quá trình giải ngân.				
1.3	Triển khai phần mềm thông báo lưu trú ứng dụng dữ	(1) Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch: Phần mềm thông báo lưu trú giúp du khách dễ dàng tìm kiếm thông tin về nơi	(1) Nâng cao hoạt động quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ.	(1) Chưa thay thế hoàn toàn được các phần mềm hiện nay các doanh nghiệp đang sử dụng.	Phần mềm chưa phù hợp với các nhà nghỉ, cơ sở có quy mô nhỏ do hiện nay phần	(1) Cơ quan quản lý, triển khai phần mềm. (2) Các doanh nghiệp, khách sạn.	(1) Tiếp tục hoàn thiện phần mềm, xây dựng hệ thống mở để tích hợp các dữ liệu

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
	<i>liệu dân cư phục vụ phát triển kinh tế đối với ngành du lịch</i>	lưu trú, đặt phòng trực tuyến và thanh toán tiện lợi. (2) Tăng cường an ninh, bảo mật: Phần mềm thông báo lưu trú giúp cơ quan chức năng quản lý chặt chẽ hoạt động lưu trú du lịch, đảm bảo an ninh, bảo mật cho du khách.	(2) Phát triển, quảng bá thương hiệu, chất lượng dịch vụ, sản phẩm của đơn vị. (3) Giúp các cơ sở kinh doanh lưu trú quản lý hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh trật tự.	(2) Chưa có giải pháp hướng đến các nhà nghỉ kinh doanh nhỏ lẻ.	mềm khai báo lưu trú đã triển khai thu phí sử dụng. Ngoài ra, các phần mềm hiện đang được các cơ sở kinh doanh sử dụng có nhiều tiện ích so với phần mềm khai báo lưu trú ASM.		của các Hệ thống phần mềm đã được các đơn vị vận hành trước. (2) Tuyên truyền vận động các cơ sở, đơn vị để triển khai, nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
2	Tiện ích từ CCCD - CC gắn chip điện tử	(1) Tiện ích và linh hoạt: Căn cước công dân - Căn cước gắn chip điện tử giúp người dân tiện lợi hơn trong việc xác thực danh tính và truy cập vào các dịch vụ công cụ quản lý thông tin cá nhân. (2) An toàn và bảo mật: Các thông tin trên căn cước công dân gắn chip có thể được bảo vệ và xác thực một cách an toàn hơn, giúp người dân tránh khỏi việc lẫn lộn thông tin cá nhân. (3) Thay thế nhiều loại giấy tờ khác nhau như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân cũ, Sổ	(1) Xác thực danh tính khách hàng: Doanh nghiệp có thể sử dụng căn cước gắn chip để xác nhận danh tính của khách hàng một cách chính xác và nhanh chóng, giúp tăng cường an ninh và bảo mật trong giao dịch. (2) Dễ dàng quản lý thông tin khách hàng: Thông tin được lưu trữ trên căn cước công dân - căn cước gắn chip giúp doanh nghiệp quản lý thông tin khách hàng một cách hiệu quả và tiện lợi hơn.	1) Còn một số ít cơ quan, trường học, bệnh viện,... còn chưa thực hiện việc sử dụng CCCD thay thế các giấy tờ khác. (2) Việc thực hiện xử lý các giao dịch phát sinh của người dân, tổ chức đối với cán bộ còn chưa thành thạo, mất thời gian, gây phiền hà cho người dân.	1) Nhận thức chưa đúng của một bộ phận công dân, cán bộ công chức đối với các tiện ích từ CCCD còn chưa đúng đắn. (2) Cần phải có thời gian tổ chức mua sắm trang thiết bị hỗ trợ sử dụng các tiện ích của Căn cước gắn chip; triển khai, thay đổi quy trình nghiệp vụ của các tổ chức, doanh nghiệp.	Nhận thức về giải pháp của các Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp về ứng dụng này chưa sâu sắc.	(1) Tiếp tục triển khai thu nhận, cấp thẻ Căn cước cho các đối tượng đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh. (2) Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các cấp, các đơn vị trên địa bàn tỉnh tăng cường sử dụng các tiện ích trên thẻ CCCD trong thực hiện các thủ tục hành chính, dân sự. (3) Tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến quần

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		hộ khẩu, Giấy khai sinh, Giấy khai tử, thẻ BHYT, Bằng lái xe... (4) Dễ dàng thực hiện các giao dịch diễn ra chính thức trực tuyến và tại các điểm giao dịch. (5) Sử dụng thẻ để thanh toán, rút tiền tại ATM. (6) Rút ngắn thời gian, thủ tục khi làm việc với các cơ quan nhà nước. (7) Nâng cao chất lượng cuộc sống.					chúng nhân dân, doanh nghiệp về tiện ích của thẻ CC.
C NHÓM CÔNG DÂN SỐ							
1	Tài khoản định danh điện tử, ứng dụng VNeID	(1) Tiện lợi và linh hoạt trong giao dịch: Định danh điện tử giúp người dân thực hiện các giao dịch trực tuyến một cách nhanh chóng và tiện lợi hơn mà không cần phải đến trực tiếp điểm giao dịch, thay thế các giấy tờ cũ khi đã được tích hợp vào định danh. (2) Bảo mật thông tin cá nhân: Thông tin định danh điện tử được bảo vệ chặt chẽ, giúp người dân	(1) Xác thực thông tin khách hàng: Doanh nghiệp có thể sử dụng định danh điện tử để xác minh thông tin của khách hàng một cách chính xác, đảm bảo an toàn trong các giao dịch, tiếp cận khách hàng tiềm năng, tiết kiệm chi phí trong quá trình xác thực thông tin khách hàng, mở rộng thị trường, giảm thiểu rủi ro.	(1) Một số thông tin công dân đã được tích hợp tuy nhiên chưa được sử dụng trong các giao dịch hành chính dân sự do các hành lang pháp lý chưa hoàn chỉnh, điều chỉnh. (2) Sự tin tưởng sử dụng các ứng dụng định danh điện tử của người dân còn chưa cao.	Các hành lang pháp lý cần có thời gian để điều chỉnh, bổ sung.	Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan	(1) Đề nghị Bộ Công an và các Bộ ngành liên quan phát triển thêm các tiện ích trên ứng dụng VNeID. Hoàn thiện các hành lang pháp lý. (2) Tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh ứng dụng các tiện ích VNeID trên địa bàn tỉnh, tăng cường công tác

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		cảm thấy an tâm khi sử dụng các dịch vụ trực tuyến và tránh khỏi rủi ro về lừa đảo. (3) Thay thế việc sử dụng nhiều loại giấy tờ khác nhau như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Giấy phép lái xe... bằng một tài khoản duy nhất (VNEID), giúp người dùng dễ dàng thực hiện các giao dịch trực tuyến.	(2) Tăng cường an ninh dữ liệu: Thông tin định danh điện tử giúp doanh nghiệp bảo vệ dữ liệu quan trọng của mình khỏi các cuộc tấn công mạng và lừa đảo trực tuyến.				tuyên truyền tại các cấp.
2	Chữ ký số	(1) Xác thực danh tính: Chữ ký số giúp người dân xác minh danh tính của mình trực tuyến một cách chính xác và an toàn hơn. (2) Bảo vệ thông tin cá nhân: Người dân có thể sử dụng chữ ký số để bảo vệ thông tin cá nhân và các thông tin quan trọng trong các giao dịch trực tuyến. (3) Hợp pháp hóa các giao dịch: Việc sử dụng chữ ký số cung cấp một cơ chế pháp lý để hợp pháp hóa các giao dịch trực tuyến,	(1) Xác thực và bảo vệ dữ liệu: Chữ ký số giúp doanh nghiệp xác thực và bảo vệ dữ liệu quan trọng trong các giao dịch kinh doanh trực tuyến. (2) Giảm rủi ro gian lận: Bằng việc sử dụng chữ ký số, doanh nghiệp có thể giảm thiểu rủi ro về gian lận và lừa đảo trong các giao dịch trực tuyến. (3) Tăng cường uy tín: Sự sử dụng chữ ký số cho phép doanh nghiệp tạo ra tính uy tín cao	Địa phương chưa phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai			Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền để phổ cập chữ ký số cá nhân trên địa bàn tỉnh, qua đó thúc đẩy công dân số, đơn giản trong giải quyết TTHC và đẩy mạnh DVC trực tuyến.

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		giúp tăng cường tính minh bạch và an toàn.	trong các giao dịch trực tuyến, giúp thu hút khách hàng tin cậy.				
D	NHÓM KẾT NỐI, CHIA SẺ TẠO LẬP HỆ SINH THÁI DỮ LIỆU DÙNG CHUNG						
1	Kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	(1) Dễ quản lý thông tin cá nhân: Người dân có thể cập nhật và quản lý thông tin cá nhân, hồ sơ gia đình một cách chính xác và nhanh chóng thông qua việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia, giúp họ tiết kiệm thời gian và công sức. (2) Tiện ích trong việc xác thực và hành chính: Người dân có thể sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia để xác minh thông tin khi làm công việc hành chính như đăng ký kết hôn, đăng ký tạm trú, xin hộ chiếu, giấy khai sinh, giấy khai tử, giấy tờ khác. (3) Bảo mật thông tin: Việc quản lý dữ liệu chính xác giúp bảo vệ thông tin cá nhân của người dân tránh khỏi rủi ro lộ thông tin.	(1) Dễ dàng xác thực thông tin khách hàng: Doanh nghiệp sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia để xác minh thông tin khách hàng, tăng tính chính xác trong quá trình giao dịch, cung cấp dịch vụ. (2) Quản lý thông tin khách hàng hiệu quả: Đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia giúp doanh nghiệp quản lý thông tin khách hàng một cách thông minh, cung cấp dịch vụ cá nhân hóa và tăng cường mối quan hệ với khách hàng. (3) Giảm tải cho doanh nghiệp: Quản lý thông tin khách hàng chính xác giúp doanh nghiệp giảm thời gian và chi phí trong quá trình xác thực.	Địa phương chưa phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai			Các Sở, ban, ngành tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn từ các Bộ, ngành Trung ương trong việc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng lộ trình Đề án 06/CP.

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
		tin hay lạm dụng thông tin.	thông tin, giảm rủi ro sai sót và lạm dụng thông tin.				
2	Số hóa, tạo lập dữ liệu cho các bộ ban ngành, đoàn thể và các địa phương	(1) Tiện ích trong giao dịch công việc: Việc số hóa, tạo lập dữ liệu giúp người dân dễ dàng thực hiện các giao dịch hành chính và đăng ký dịch vụ trực tuyến một cách nhanh chóng và tiện lợi. (2) Dễ quản lý thông tin cá nhân: Người dân có thể cập nhật và quản lý thông tin cá nhân, hồ sơ gia đình một cách chính xác và tự lập thông qua việc sử dụng các hệ thống số hóa, giúp họ tiết kiệm thời gian và công sức. (3) Giao tiếp, kết nối tiện lợi: Người dân có thể truy cập thông tin, dịch vụ công nhanh chóng thông qua việc sử dụng các nền tảng số hóa, không cần phải đến trực tiếp các cơ quan hành chính.	(1) Dễ dàng xác thực thông tin và tạo lập dữ liệu khách hàng: Doanh nghiệp có thể sử dụng dữ liệu số hóa từ các bộ ban ngành, đoàn thể và các địa phương để xác thực thông tin khách hàng, tạo lập dữ liệu khách hàng một cách chính xác. (2) Tăng cường quản lý thông tin khách hàng: Việc số hóa và tạo lập dữ liệu giúp doanh nghiệp quản lý thông tin khách hàng hiệu quả, từ đó cung cấp dịch vụ cá nhân hóa và phát triển mối quan hệ khách hàng. (3) Giảm tải cho doanh nghiệp: Quản lý dữ liệu khách hàng chính xác giúp doanh nghiệp giảm thời gian và chi phí trong quá trình xác thực thông tin, tăng cường	(1) Một số Sở, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo rà soát, cập nhật đầy đủ các trường thông tin trong hồ sơ CBCCV, dẫn đến chất lượng hồ sơ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức chưa đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”. (2) Các Sở, ngành còn lại chưa khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu được số hóa để cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính.	(1) Người đứng đầu một số địa phương, đơn vị còn chưa chỉ đạo, triển khai quyết liệt. (2) Chưa đảm bảo kinh phí đầu tư thiết bị phục vụ số hóa dữ liệu. Đặc biệt đối với các trường thông tin, tài liệu có tính đặc thù riêng, yêu cầu phải có thiết bị chuyên dụng như tài liệu về tài nguyên môi trường, hộ tịch,...	Người đứng đầu các đơn vị, địa phương.	(1) Triển khai rà soát, triển khai ngay dữ liệu đã được số hóa, làm sạch với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm tiết kiệm, tránh lãng phí. (2) Nghiên cứu triển khai thực hiện đầu tư, trang cấp thiết bị phục vụ thực hiện số. (3) Hoàn thiện hạ tầng, đường truyền, hệ thống phục vụ lưu trữ, quản lý dữ liệu.

TT	NỘI DUNG	ĐƯỢC HƯỞNG LỢI		CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG LỢI			GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025
		NGƯỜI DÂN	DOANH NGHIỆP	TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC	NGUYÊN NHÂN	TRÁCH NHIỆM	
			bảo mật và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu.				
E NHÓM PHÂN TÍCH CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH							
1	Triển khai xây dựng trung tâm IOC	Người dân được thừa hưởng lợi ích gián tiếp từ những hoạch định, chính sách, chỉ đạo từ Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh.	Các doanh nghiệp chủ động đặt đề bài, phối hợp trong việc khai thác dữ liệu, thì: (1) Giảm chi phí trong việc khảo sát nhu cầu thị trường trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp. (2) Có giải pháp quản lý, phát triển chiến lược kinh doanh, kế hoạch Marketing. (3) giảm chi phí quản lý, giảm nhân lực.	Địa phương đang tiếp tục triển khai theo lộ trình			Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 655/KH-UBND ngày 22/8/2024 triển khai Giai đoạn 2 triển khai Trung tâm IOC tỉnh Nghệ An.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

PHỤ LỤC 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI 44 MÔ HÌNH ĐIỂM

(Bên hành kèm theo Báo cáo số 608/BC-

UBND ngày 24/7/2025 của UBND

tỉnh Nghệ An)

STT	Mô hình	Kết quả triển khai	Khó khăn vướng mắc	Đánh giá hiệu quả, giá trị tiện ích mang lại và tiết kiệm	Kinh phí đầu tư, chi cho từng nhóm mô hình	Có tiếp tục tham mưu tổ công tác đề xuất nhân rộng triển khai trên toàn địa bàn không? Nếu có sẽ thực hiện các bước như thế nào
I	NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ GIẢI QUYẾT TTHC VÀ CUNG CẤP DVC TRỰC TUYẾN (05 MÔ HÌNH)					
1	Mô hình 1: Triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu	HOÀN THÀNH Đã triển khai, kết quả hồ sơ dịch vụ công thiết yếu 6 tháng đầu năm 2025 đạt 447,395/557,599 hồ sơ đạt 85,6% (chỉ tiêu chính phủ giao 70%)	Một số thủ tục hành chính theo Quyết định số 422/QĐ-TTg, ngày 04/4/2022 và Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Chính phủ chưa triển khai, dẫn đến người dân chưa được thụ hưởng các TTHC như đã công bố	- Giúp người dân thực hiện các TTHC chính bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào một cách nhanh chóng, thuận tiện, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian đi lại. Đồng thời, không giấy tờ, nên hạn chế tối đa tiếp xúc người dân, doanh nghiệp, giảm tình trạng nhũng nhiễu đối với người thực hiện TTHC. - Thay đổi phương thức làm việc từ thủ công sang môi trường điện tử, thay đổi phương thức tiếp cận công việc và giải quyết TTHC	Không	Thực hiện thường xuyên và liên tục trên phạm vi toàn tỉnh đối với tất cả các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp. Đối với các TTHC chưa thể triển khai theo lộ trình, các đơn vị có liên quan, chủ động nắm bắt thông tin, phối hợp với các Bộ, ngành chủ quản triển khai đồng bộ hiệu quả.
2	Mô hình 2: Tự động hóa Trung tâm hành chính công thông qua tương tác Kiosk	ĐANG THỰC HIỆN Công an tỉnh hoàn thành triển khai 24 Kiosk dịch vụ công tại Bộ phận một cửa Công an các đơn vị, địa phương	Kinh phí triển khai đối đầu tư, mua sắm trang thiết bị của mô hình tương đối lớn, trong khi, hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Bộ phận 1 cửa các cấp đã bố trí các thiết bị hỗ trợ nộp hồ sơ trực tiếp, lấy số và phân luồng TTHC cho người dân khi thực hiện cũng như tiếp nhận và giải quyết của cán bộ công chức, viên chức. Mặt khác kinh phí của địa phương còn rất hạn chế.	- Giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC chính một cách nhanh chóng, thuận tiện, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian đi lại. Đồng thời, không giấy tờ, nên hạn chế tối đa tiếp xúc người dân, doanh nghiệp, giảm tình trạng nhũng nhiễu đối với người thực hiện TTHC. - Thay đổi phương thức làm việc từ thủ công sang môi trường điện tử, thay đổi phương thức tiếp cận công việc và giải quyết TTHC.	UBND tỉnh đã cấp cho Công an tỉnh kinh phí với số tiền 3,216 tỷ đồng để đầu tư, mua sắm 24 Kiosk dịch vụ công trang bị cho Phòng PC06, PA08, PC08 và Bộ phận một cửa của Công an 21 địa phương trên địa bàn tỉnh	Tại Kế hoạch của UBND tỉnh đã yêu cầu nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các cấp
3	Mô hình 3: Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy	HOÀN THÀNH Ngày 10/12/2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3380/QĐ-UBND về việc thí điểm không tiếp nhận hồ sơ giấy đối với 65 TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Thời gian đầu người dân sẽ mất thời gian để làm quen với việc thực hiện 65 TTHC này trên môi trường trực tuyến	- Tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC không phải sử dụng hồ sơ giấy, công tác tiếp nhận, giải quyết của các cán bộ, công chức hoàn toàn trên môi trường điện tử, đảm bảo tính công khai, minh bạch. - Đồng thời đẩy nhanh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.	Không	Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai, sẽ tiếp tục chỉ đạo các Sở, ban, ngành cấp tỉnh rà soát, lựa chọn thêm các TTHC đảm bảo điều kiện để xuất triển khai.

4	Mô hình 4: Lưu trữ, chứng thực các giấy tờ tài liệu điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp tham gia môi trường số.	ĐANG THỰC HIỆN 481/481 đơn vị đã thực hiện chứng thực bản sao điện tử. UBND tỉnh đã triển khai Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính đi vào hoạt động từ tháng 06/10/2023.	Hiện nay, một số cơ quan, tổ chức chưa có nhu cầu tiếp nhận kết quả chứng thực bản sao điện tử, do đó người dân yêu cầu thực hiện thủ tục này còn thấp.	Việc lưu trữ, chứng thực các giấy tờ tài liệu điện tử góp phần tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC giúp giảm chi phí rất lớn cho người dân, tổ chức; hạn chế việc chứng thực bản sao giấy nhiều lần cho 1 loại giấy tờ; sản phẩm chứng thực điện tử chính là thành phần giải quyết các TTHC, góp phần đặc lực thực hiện DVC trực tuyến	Các đơn vị triển khai tự đầu tư, mua sắm thiết bị	Tiếp tục thực hiện theo lộ trình Đề án
5	Mô hình 5: Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID	HOÀN THÀNH Hiện nay đã triển khai các TTHC đã được Bộ Công an tích hợp trên ứng dụng VNeID trên địa bàn toàn tỉnh	Không	Người dân sẽ có một ứng dụng để thực hiện nhiều TTHC mà trước đây phải thực hiện trên các môi trường khác hoặc trực tiếp tại cơ quan chức năng tiếp nhận hồ sơ. Việc nộp hồ sơ được thực bất cứ nơi đâu và bất kể thời gian nào trong ngày, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và đảm bảo tính công khai, minh bạch.	Không	Tiếp tục thực hiện theo lộ trình Đề án và chỉ đạo của Bộ Công an
II NHÓM TIỆN ÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI (16 MÔ HÌNH)						
6	Mô hình 6: Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID	HOÀN THÀNH Có 529/529 cơ sở y tế (đạt 100%), sử dụng CCCD gắn chip để tham gia khám chữa bệnh. Đến nay tra cứu phục vụ khám chữa bệnh với 7.817.974 trường hợp.	Công tác KCB bằng thẻ CCCD được giao cho Sở Y tế chỉ đạo triển khai, tuy nhiên, việc theo dõi cập nhật sử dụng trên Công Giám định BHYT, Sở Y tế không được cấp tài khoản để theo dõi mà chỉ thông qua BHXH tỉnh, hơn nữa chỉ theo dõi được số lượng tra cứu ĐDCN/CCCD chứ chưa theo dõi được tỷ lệ tra cứu ĐDCN/CCCD trên tổng số KCB	- Giúp người dân hạn chế việc phải kèm theo quá nhiều loại giấy tờ khi đi khám, chữa bệnh. - Giảm thiểu nguồn nhân lực, tiết kiệm thời gian, giảm bớt chi phí lưu trữ và in ấn các loại giấy tờ so với phương pháp truyền thống trước đây. Đặc biệt, có thể thực hiện giải quyết trực tuyến các thủ tục hành chính trong việc đăng ký khám chữa bệnh cho người dân đảm bảo chính xác, nhanh chóng, hiệu quả, hạn chế việc người dân đi lại nhiều lần	Bổ trí 1.685.976.000 VNĐ để mua 460 mã vạch QR-Code cho Trạm Y tế	Tiếp tục triển khai theo lộ trình Đề án
7	Mô hình 7: Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ	ĐANG THỰC HIỆN Ngân hàng HDBank (đơn vị cung cấp giải pháp) thống nhất cung cấp 37 KIOS y tế thông minh cho tỉnh Nghệ An để triển khai thực hiện. Đến nay, đã triển khai thực tế 09 KIOS tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.	Quá trình triển khai bước đầu, nhận thấy các bệnh nhân cao tuổi hoặc bệnh nhân bệnh nặng, bệnh nhân nhũn chưa quen, khó khăn trong việc tiếp cận với công nghệ và làm quen với việc tự phục vụ. Hiện tại các Bệnh viện đã cử cán bộ, nhân viên Bệnh viện hướng dẫn và hỗ trợ người dân.	- Giúp người khám, chữa bệnh thuận lợi trong việc đặt lịch, khám chữa bệnh, hoàn thiện các thủ tục bước đầu tại các cơ sở y tế. - Đối với cơ sở y tế giảm nguồn lực hỗ trợ, hướng dẫn, cải cách hành chính, đồng thời, cung cấp nhanh chóng dịch vụ y tế cho người dân và phục vụ hiệu quả trong công tác quản lý y tế của cơ sở.	Không	Trên cơ sở triển khai 37 KIOSK tại các cơ sở, UBND tỉnh sẽ đánh giá kết quả triển khai, để nhận rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

8	Mô hình 8: Triển khai tại các điểm công chứng, chứng thực	ĐANG THỰC HIỆN Đã triển khai tại Phòng Công chứng số 1, 2 thuộc Sở Tư pháp; Văn phòng công chứng Hưng Nguyên.	- (1) Trường thông tin khai thác từ thiết bị xác thực còn hạn chế (chỉ có thông tin họ và tên, ngày sinh và nơi cư trú), không xác thực được dấu vân tay, không có thông tin mối quan hệ về nhân thân nên khó khăn cho tổ chức hành nghề công chứng trong việc xác định chủ thể tham gia giao dịch; - (2) có tình trạng khuôn mặt giống nhau nhưng phần mềm vẫn xác thực thành công (rủi ro về nhận dạng); - (3) chi phí sử dụng gói dịch vụ xác thực còn cao (gói xác thực thẻ Căn cước giá 8.800.000 đồng cho 1.000 lượt truy cập; gói xác thực khuôn mặt giá 550.000 đồng cho 1.000 lượt truy cập), trong khi số lượng giao dịch công chứng nhiều, một bộ hồ sơ công chứng có thể đến hơn 10 người tham gia, mỗi người truy cập 2 lần (01 lần xác thực Căn cước và 01 lần xác thực khuôn mặt) dẫn đến rất khó khăn để các tổ chức hành nghề công chứng duy trì sử dụng lâu dài thiết bị, nhất là các tổ chức nhỏ.	Giảm thiểu nguy cơ đối tượng cung cấp thông tin giả nhằm thực hiện việc công chứng, chiếm đoạt tài sản.	Các đơn vị triển khai tự đầu tư, mua sắm thiết bị	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
9	Mô hình 9: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà trọ; Nhà nghỉ; Khách sạn 2-3*; Khách sạn 4*; Khách sạn 5*; Nhà khách; Nhà công vụ	HOÀN THÀNH Đã triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại 338 cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh (trong đó, 45 cơ sở đã mua gói sử dụng phần mềm sử dụng lâu dài)	Không	Giúp công tác quản lý hoạt động của các cơ sở lưu trú hiệu quả, phát triển ngành Du lịch, đồng thời, góp phần trong công tác quản lý cư trú, phòng ngừa, phát hiện dấu hiệu tội phạm, phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn	Các đơn vị triển khai tự đầu tư, mua sắm thiết bị	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
10	Mô hình 10: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà cho thuê; Nhà ở trong khu công nghiệp, khu chế xuất	ĐANG THỰC HIỆN Hiện đã triển khai tại 55 Cơ sở khám chữa bệnh sử dụng Phần mềm quản lý lưu trú (Cửa Lò 09 cơ sở; Con Cuông 01 cơ sở; Bệnh viện Công an tỉnh; TP Vinh 42 cơ sở, Nam Đàn 01 cơ sở; Kỳ Sơn 01 cơ sở) trên địa bàn tỉnh.	không			Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
11	Mô hình 11: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại Cơ sở khám chữa bệnh	ĐANG THỰC HIỆN Hiện đã triển khai tại 55 Cơ sở khám chữa bệnh sử dụng Phần mềm quản lý lưu trú (Cửa Lò 09 cơ sở; Con Cuông 01 cơ sở; Bệnh viện Công an tỉnh; TP Vinh 42 cơ sở, Nam Đàn 01 cơ sở; Kỳ Sơn 01 cơ sở) trên địa bàn tỉnh.	Số lượng bệnh nhân và người nhà điều trị nội trú là rất lớn. Hiện nay nhân lực nhân viên y tế còn mỏng, việc kiểm soát và đăng ký lưu trú cho toàn bộ bệnh nhân và người nhà gây thêm áp lực trong công việc	- Việc triển khai giúp các cơ sở khám chữa bệnh quản lý hiệu quả người bệnh, người thăm khám và cung cấp các dịch vụ y tế kịp thời. - Giúp cho cơ quan Công an quản lý cư trú hiệu quả, đảm bảo ANTT tại các cơ sở khám chữa bệnh.	Các đơn vị triển khai tự đầu tư, mua sắm thiết bị	Đã chỉ đạo triển khai tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.
12	Mô hình 12: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú trên xe khách đường dài	Không đăng ký triển khai				
13	Mô hình 13: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Khu du lịch	ĐANG THỰC HIỆN Đã xây dựng phương án, triển khai, gửi đề xuất phê duyệt bố trí kinh phí triển khai thực hiện mô hình tại một số điểm du lịch, khu du lịch	Không	Giám sát, quản lý con người, khách bảo đảm công tác an ninh, trật tự, phân tích cảnh báo các hành vi, vi phạm, đồng thời, giúp cho các địa điểm du lịch đánh giá, cung cấp các dịch vụ hợp lý, phục vụ phát triển địa điểm du lịch.	Đang chờ phê duyệt	Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai thực tế, sẽ tham mưu UBND tỉnh nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

14	Mô hình 14: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Khu công nghiệp	Không đăng ký triển khai				
15	Mô hình 15: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Nhà Ga	ĐANG THỰC HIỆN Hiện đơn vị được giao nhiệm vụ đang phối hợp với đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật và đơn vị chủ quản để triển khai theo hướng dẫn	Hiện Tổng Công ty đường sắt Việt Nam đang phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an để triển khai thống nhất, đồng bộ trên cả nước. Chi nhánh đường sắt Nghệ Tĩnh đã trao đổi và được hướng dẫn chờ chỉ đạo đồng bộ thống nhất từ các Đơn vị chủ quản. Vì thế tiến độ triển khai phụ thuộc vào đơn vị chủ quản	Chưa triển khai, trực tiếp nên chưa có	Các đơn vị triển khai tự bố trí kinh phí triển khai	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
16	Mô hình 16: Triển khai tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT (Cơ sở cấm đồ; Cơ sở dịch vụ bảo vệ; Dịch vụ thừa phát lại; Cơ sở khác)	ĐANG THỰC HIỆN Đã ban hành Kế hoạch chung trong toàn ngành (Kế hoạch số 362/KH-CAT-PC06-PV01 ngày 24/10/2023)	Không	Đảm bảo xác minh thông tin khách, người sử dụng dịch vụ tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT, đồng thời, giúp đảm bảo ANTT tại các cơ sở này	Các đơn vị triển khai tự bố trí kinh phí triển khai	Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai thực tế, sẽ tham mưu UBND tỉnh nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.
17	Mô hình 17: Triển khai thiết bị giám sát thí cử, sát hạch lái xe	HOÀN THÀNH Hiện nay 16/16 Trung tâm sát hạch lái xe trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã lắp đặt thiết bị đọc thẻ căn cước công dân và nhận dạng khuôn mặt	Chi phí xác thực đọc thẻ căn cước và xác thực khuôn mặt cao (8.000 đ/lượt).	Đảm bảo nhận diện chính xác học viên khi đến dự thi, tránh việc thi thay, thí hộ.	Các Trung tâm sát hạch lái xe trên địa bàn chủ động đầu tư, lắp đặt.	Trong thời gian tới, tiếp tục triển khai đối với các sân sát hạch lái xe mô tô hạng A1 trên địa bàn (Các huyện miền tây Nghệ An).
18	Mô hình 18: Triển khai giải pháp xử phạt giao thông và trật tự an toàn xã hội	HOÀN THÀNH Ngày 25/10/2024, Công an tỉnh Nghệ an đã nghiệm thu kỹ thuật hệ thống giám sát an ninh, đảm bảo trật tự ATGT tại trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh Nghệ An. Hệ thống giám sát an ninh có 600 camera tại 190 điểm tại thành phố Vinh, tất cả hệ thống camera và hệ thống quản trị phần mềm, dữ liệu đều tích hợp, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nhận diện, tìm kiếm thông minh, phù hợp với xu hướng công nghệ 4.0. Đồng thời, kết hợp với xử lý vi phạm ATGT, thông qua ứng dụng VNeID. Tính đến thời điểm báo cáo, lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát phương tiện bằng thông tin giấy tờ trên VNeID 3.461 trường hợp ,trong đó, tạm giữ giấy phép lái xe trên môi trường điện tử 304 trường hợp, tước giấy phép lái xe trên môi trường điện tử 86 trường hợp	Không	- Giám sát kiểm soát phương tiện giao thông, hỗ trợ đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phát hiện lỗi vi phạm và phục vụ xử lý vi phạm giao thông. - Bên cạnh đó hệ thống còn hỗ trợ truy vết đối tượng, thiết lập tích hợp hỗ trợ phương án bảo vệ mục tiêu, dẫn đoàn và các phương án bảo đảm an ninh trật tự khác...	Ngân sách nhà nước (Bộ Công an phân bổ 289,9 tỷ đồng)	Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai thực tế, sẽ tham mưu UBND tỉnh nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.
19	Mô hình 19: Triển khai sử dụng CCCD gắn chip quét thanh toán vé tàu, xe... không dùng tiền mặt	Không đăng ký triển khai				
20	Mô hình 20: Triển khai cho vay tín chấp công dân: hộ nghèo, người có công	HOÀN THÀNH Các Ngân hàng (Vietinbank, BIDV, Pvccombank, VIB) có trụ sở tại Nghệ An thông qua giải pháp ứng dụng dữ liệu dân cư trong đánh giá khả tín khách hàng vay và đã cho vay 3.396 khách hàng vay với dư nợ 150,654 tỷ đồng.	Không	Giúp người dân tiếp cận được nguồn vốn chính thống từ các tổ chức tài chính, tín dụng có sự quản lý của nhà nước, phục vụ tốt cho an sinh xã hội và góp phần phòng ngừa tín dụng đen	Các tổ chức, tài chính, tín dụng triển khai mô hình tự bố trí kinh phí	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

21	Mô hình 21: Mô hình xác thực thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử	ĐANG THỰC HIỆN Phối hợp với Tập đoàn FPT tổ chức thi điểm tại 03 trường: THPT Huỳnh Thúc Kháng; Trường THPT Hà Huy Tập; Trường THPT Lê Viết Thuật đối với môn Toán, học sinh khối 12, gồm 270 học sinh (mỗi trường 90 học sinh; chia thành 2 ca, mỗi ca 45 học sinh).	- Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia qua hệ thống (hiện đang áp dụng kỳ thi truyền thống). - Nguồn kinh phí triển khai thực hiện mua sắm trang thiết bị (máy tính, máy xác thực CCCD, nâng cấp hệ thống internet...)	Đối với học sinh: - Công tác thực hiện nhanh, chính xác, đảm bảo việc định danh được thông tin dự thi của thí sinh, từ đó tạo tâm lý thoải mái cho thí sinh khi tham gia kỳ thi. - Thao tác thi đơn giản, dễ thực hiện, không mất thời gian. - Đảm bảo tính chính xác, minh bạch, học sinh thi xong biết kết quả ngay. Đối với nhà quản lý: - Mọi hoạt động trong quá trình thi được số hóa, tự động và thực hiện trên hệ thống, đảm bảo công tác thi, và coi thi minh bạch, đưa ra kết quả thi nhanh chóng. - Tiết kiệm được nhân lực, thời gian và kinh phí cho các cơ quan quản lý. - Giảm tải được hệ thống văn bản của các kỳ thi truyền thống.	Dự tính kinh phí triển khai Mô hình 17 (chỉ tính 90 trường trực thuộc Sở GD&ĐT): - Mua sắm đầu tư thiết bị: 2.240.000.000 đồng; - Dịch vụ xác thực thẻ CCCD: 765.000.000 đồng/ 1 năm.	Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai thực tế, sẽ đề xuất nhân rộng triển khai mô hình trên phạm vi toàn tỉnh theo từng giai đoạn: + Giai đoạn 1 (năm 2025) triển khai cho 90 trường THPT; + Giai đoạn 2 (từ năm 2025): Triển khai các trường THCS.
22	Mô hình 22: Phát triển du lịch, gắn với phát triển đặc sản vùng miền hỗ trợ người dân ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh xác thực điện tử trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế số	HOÀN THÀNH Công an tỉnh đã thẩm định 178 tin bài và đăng trên ứng dụng VNeID	Không	Tuyên truyền hiệu quả về chính sách, pháp luật; Đề án 06/CP và tình hình chính trị, văn hóa, xã hội và thông tin quảng bá của địa phương; tin ANTT, đấu tranh, phòng, chống tội phạm	Không	Tiếp tục triển khai theo lộ trình Đề án
23	Mô hình 23: Triển khai giải pháp thu phí không dùng tiền mặt tại các bãi xe của tỉnh	Không đăng ký triển khai				
III NHÓM TIỆN ÍCH PHỤC VỤ CÔNG DÂN SỐ (10 MÔ HÌNH)						
24	Mô hình 24: Đảm bảo điều kiện công dân số	HOÀN THÀNH (1) 100% người đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đã được cấp thẻ Căn cước công dân và 2,1 triệu tài khoản định danh điện tử được kích hoạt thành công đã tích hợp cho người dân trên địa bàn tỉnh đầy đủ các giấy tờ bảo đảm hoạt động, công việc hàng ngày và trên môi trường mạng; (2) 35 tiện ích được tích hợp trên ứng dụng VNeID đã được triển khai hiệu quả, người dân đã được tích hợp các giấy tờ tùy thân trên ứng dụng VNeID để sử dụng thay giấy tờ vật lý; (3) 80% người trưởng thành đã có tài khoản ngân hàng, toàn tỉnh có 3.128.167 thuê bao di động, đạt 91 thuê bao/100 dân, tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh/tổng số thuê bao di động đạt 81,6%. Bên cạnh đó, chữ ký số - chữ ký điện tử cá nhân đã được quan tâm chỉ đạo quyết liệt đảm bảo tiền đề của công dân số trên địa bàn tỉnh.	Không	Giúp công dân thực hiện các TTHC qua dịch vụ công trực tuyến, nhanh chóng, hiệu quả và không phải mang theo hoặc xuất trình nhiều giấy tờ tùy thân. Tạo thuận lợi cho người dân thực hiện các giao dịch dân sự, từng bước chuyển đổi phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong nhiều lĩnh vực đời sống, xã hội.	Không	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

25	Mô hình 25: Chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO)	HOÀN THÀNH Đã phối hợp với Công TTĐT triển khai trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Đã hoàn thành việc đưa vào sử dụng đăng nhập hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An từ ứng dụng VNeID hoặc bằng tài khoản định danh cá nhân vào ngày 30/04/2024	Không	Việc đăng nhập hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An từ ứng dụng VNeID hoặc bằng tài khoản định danh cá nhân giúp công dân sử dụng hệ thống tiện lợi, không cần nhớ nhiều tài khoản và mật khẩu các hệ thống	Không	Đề nghị cho phép tỉnh Nghệ An triển khai SSO đăng nhập các phần mềm dùng chung khác của tỉnh như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thư điện tử công vụ, Công TTĐT,...
26	Mô hình 26: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)	HOÀN THÀNH Đã hoàn thành việc triển khai hệ thống này, đưa vào vận hành từ ngày 01/06/2022. Hoàn thành kết nối kỹ thuật từ LGSP tỉnh tới nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP/NDXP).	- Các phương án, giải pháp kỹ thuật vừa làm, vừa điều chỉnh, phải có sự tham gia của nhiều đối tác trong điều kiện nguồn lực của tỉnh còn hạn chế. - Các Bộ ngành Trung ương chưa cụ thể hóa danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp làm cơ sở để các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng. Mặc khác cũng đang thiếu nhiều quy định về: quy chuẩn hoặc quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, các quy chế, quy trình chia sẻ dữ liệu trong phạm vi dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý; quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia được giao làm chủ quản, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành thuộc phạm vi quản lý của mình. Do đó gây khó khăn cho địa phương trong việc kết nối, thu thập, chia sẻ dữ liệu.	Việc kết nối, chia sẻ với các CSDL/HTTT qua LGSP đã mang đến nhiều lợi ích và hiệu quả như giúp tiết kiệm thời gian, công sức cho người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức, người lao động khi nộp, tiếp nhận và xử lý TTHC; giúp lãnh đạo có thông tin tổng hợp, thống nhất, tin cậy để có quyết định kịp thời, hiệu quả theo hướng dựa trên dữ liệu; giúp tăng cường tái sử dụng dữ liệu nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư của Nhà nước, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí	Tổng kinh phí triển khai 3,569 tỷ đồng	Hiện đã triển khai LGSP trên toàn tỉnh
27	Mô hình 27: Truyền thông nội bộ cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước	HOÀN THÀNH Hàng tháng thường xuyên tổ chức công tác truyền thông nội bộ báo đảm cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh nắm rõ mục tiêu, nội dung, triển khai thành công Đề án 06/CP trên Bản tin chuyên đồ số, Chuyên mục IT Today của Đài PTTH Nghệ An, Chuyên mục Chuyển đổi số trên Công TTĐT Nghệ An, Báo Nghệ An. Lồng ghép để tuyên truyền, quán triệt các nội dung của Đề án trong các buổi họp của Sở, ban, ngành, UBND các cấp, các buổi sinh hoạt tại nhà văn hóa khối, xóm, bản trên địa bàn toàn tỉnh.	Không	Giúp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị hiểu rõ hơn vai trò, lợi ích của Đề án 06/CP và các tiện ích mang lại. Từ đó có nhận thức đúng, vận động người thân, đồng nghiệp, người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các tiện ích của Đề án 06/CP	Tổng kinh phí triển khai với 107 triệu đồng.	Hiện đã triển khai toàn tỉnh
28	Mô hình 28: Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp phích, Truyền thanh cơ sở, Truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số	HOÀN THÀNH - UBND thành phố Vinh lắp đặt 05 bảng quảng cáo (dưới 40m2) tại một số vị trí trên địa bàn thành phố Vinh theo hình thức xã hội hóa theo đề xuất của Công ty Cổ phần Marketing Mặt trời vàng tuyên truyền các nhiệm vụ tại Đề án 06. - Bên cạnh đó, còn thực hiện tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Cổng thông tin điện tử, các trang thông tin điện tử của Ngành, các kênh thông tin trên mạng xã hội... - Tại Bộ phận một cửa các cấp đã tuyên truyền nhiệm vụ Đề án 06 trên bảng Led và tuyên truyền trên các bảng rôn, Pano, áp phích.	Không	Giúp người dân tiếp cận các thông tin, chính sách, đặc biệt là ứng dụng, tiện ích của Đề án 06/CP được thường xuyên, đầy đủ, từng bước thay đổi nhận thức và ủng hộ tiến trình chuyển đổi số của địa phương và từng lĩnh vực.	- Ở thành phố Vinh các đơn vị cung cấp giải pháp tự bố trí kinh phí đầu tư. - Tại Bộ phận các cấp, các đơn vị, địa phương đầu tư từ nguồn chi thường xuyên.	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

29	Mô hình 29: Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) trên toàn quốc để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho các cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống	HOÀN THÀNH Nghệ An đã phối hợp với Cục C06, Bộ Công an và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức đào tạo giáo dục trực tuyến đại chúng, kết quả: - Năm 2023 đã tổ chức đào tạo, tập huấn cho 2.632 học viên. - Năm 2024 đã tổ chức đào tạo, tập huấn cho 2.292 học viên.	Không	Việc triển khai tập huấn, bồi dưỡng online trên trang hỗ trợ đào tạo của Đề án 06/CP với nhiều kiến thức mới, bổ ích, hoàn toàn miễn phí, phù hợp với điều kiện ngân sách và trình độ của CBCCVC trong tỉnh còn nhiều hạn chế	Không	Không. Thời gian tới triển khai trên nền tảng Bình dân học vụ số
30	Mô hình 30: Triển khai tổ giác tội phạm qua ứng dụng VneID	HOÀN THÀNH Đến nay, đã tiếp nhận 525 tin báo qua VneID	Không	Giúp người dân kịp thời phản ánh về tình hình an ninh trật tự trên địa bàn mà không phải trực tiếp đến Cơ quan Công an, giúp công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được nhanh chóng, hiệu quả, đảm bảo ANTT trên địa bàn.	Không	Đã triển khai trên địa bàn toàn tỉnh
31	Mô hình 31: Triển khai tuyên truyền chính sách, hỗ trợ pháp lý qua ứng dụng VNeID, Call Centrer	HOÀN THÀNH Công an tỉnh đã thẩm định và đăng 178 bài viết trên ứng dụng VNeID với nội dung tuyên truyền về chính sách, pháp luật, Đề án 06/CP và tình hình chính trị, văn hóa, xã hội và thông tin quảng bá của địa phương; tin ANTT, đấu tranh, phòng, chống tội phạm	Không	Giúp người dân tiếp cận các thông tin, chính sách, đặc biệt là ứng dụng, tiện ích của Đề án 06/CP được thường xuyên, đầy đủ, từng bước thay đổi nhận thức và ủng hộ tiến trình chuyển đổi số của địa phương và từng lĩnh vực.	Không	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
32	Mô hình 32: Triển khai hệ thống quản lý trường học: Xác thực thông tin giáo viên và học sinh; Cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VneID (SSO); Quản lý điểm, lịch học...	ĐANG THỰC HIỆN Hệ thống quản lý trường học (https://sgdnghean.lms.vnedu.vn/) đã được đưa vào sử dụng cho tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn Nghệ An từ năm 2014 với 1.530 cơ sở giáo dục: + Mầm non: 542/542 trường. + Tiểu học: 480/480 trường. + THCS: 397/397 trường. + THPT: 90/90 trường. + TT GDTX và TT GDNN-GDTX: 21/21 trung tâm. Hiện đang đề nghị các bên liên quan đánh giá an ninh, an toàn để tích hợp về LGSP tỉnh và tích hợp đăng nhập bằng tài khoản VneID (SSO) với Hệ thống đang triển khai, hiện có.	Khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí kinh phí triển khai, qua trao đổi với đơn vị cung cấp giải pháp thì kinh phí triển khai cho các cơ sở giáo dục là rất lớn so với điều kiện của ngành và địa phương	Khi tích hợp đăng nhập Hệ thống bằng tài khoản VneID sẽ giúp đồng bộ, thống nhất một tài khoản duy nhất, xác thực người dùng, giúp đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.	Dự tính kinh phí triển khai Mô hình 27 (chỉ tính 90 trường trực thuộc Sở GD&ĐT): 5.500.000.000 đồng; trong đó: - Mua sắm đầu tư thiết bị:	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
33	Mô hình 33: Thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID	ĐANG THỰC HIỆN Tỉnh Nghệ An đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Bộ Công an và Bộ Tư pháp	Không	Giúp công dân có thể cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gắn với định danh khi thực hiện cả TTHC, giảm phiền hà trong thực thủ tục hành chính, đồng thời rút ngắn thời gian của cơ quan thực hiện TTHC.	Không	Theo lộ trình triển khai của Đề án

34	Mô hình 34: Triển khai tích hợp thông tin Sổ sức khỏe điện tử, Sổ lao động điện tử trên VNeid.	ĐANG THỰC HIỆN - Đối với Sổ sức khỏe điện tử: Nghệ an đã tích hợp Sổ sức khỏe điện tử với 715,954 trường hợp trên ứng dụng VNeID. - Đối với Sổ lao động, thực hiện theo lộ trình của Bộ Công an và Bộ Y tế.	Không	- Giúp người dân dễ dàng truy cập dữ liệu sức khỏe của chính mình ở mọi nơi, mọi lúc thông qua nền tảng số, qua đó tiết kiệm được thời gian, tiền bạc trong quản lý sức khỏe, tuân thủ điều trị tốt hơn. - Đối với các cơ sở y tế giúp liên thông, chia sẻ nhanh chóng, chính xác thông tin về sức khỏe, lịch sử khám, chữa bệnh của người dân, kịp thời đưa ra chẩn đoán chính xác hơn và lập kế hoạch, phác đồ điều trị phù hợp, quản lý hiệu quả khám, chữa bệnh hiệu quả	Không	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
IV NHÓM SỐ HÓA, TẠO LẬP DỮ LIỆU DÙNG CHUNG TRÊN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ PHỤC VỤ CẢI CÁCH TTHC (03 MÔ HÌNH)						
35	Mô hình 35: Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VneID	ĐANG THỰC HIỆN - Triển khai rà soát, làm sạch 849.092 hồ sơ dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu dân cư. - Sở Tài nguyên và Môi trường đã áp dụng tra cứu mã định danh điện tử đối với công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ hàng ngày tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Một cửa cấp huyện (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận) các hồ sơ giao dịch đều sử dụng dữ liệu dân cư được làm sạch 203.248 hồ sơ (Thực hiện từ 01/01/2023 đến 24/5/2024), kết quả số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo Nghị định số 107/NĐ-CP 57.855 hồ sơ	- Triển khai rà soát, làm sạch 849.092 hồ sơ dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu dân cư. - Sở Tài nguyên và Môi trường đã áp dụng tra cứu mã định danh điện tử đối với công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ hàng ngày tại Trung tâm hành chính công tỉnh và Một cửa cấp huyện (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận) các hồ sơ giao dịch đều sử dụng dữ liệu dân cư được làm sạch 203.248 hồ sơ (Thực hiện từ 01/01/2023 đến 24/5/2024), kết quả số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo Nghị định số 107/NĐ-CP 57.855 hồ sơ	Dữ liệu dân cư được xác thực, kết nối các dữ liệu, khai thác phục vụ có hiệu quả về công tác quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu người dân chỉ khai báo thông tin một lần với cơ quan Nhà nước trong thực hiện các thủ tục hành chính. Thực hiện tốt điều này sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho đất nước, góp phần tiết kiệm, chống lãng phí, tạo thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp	Đề xuất 2,696 tỷ đồng, hiện đang chờ thẩm định, phê duyệt kinh phí	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

36	Mô hình 36: Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, như: Hộ tịch, lao động xã hội, các tổ chức, đoàn hội.... Phục vụ cải cách TTHC.	HOÀN THÀNH - Số tư pháp: Sở Tư pháp đã triển khai thống nhất việc thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch trên địa bàn toàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh đã số hóa xong 1.831.439 dữ liệu, đạt 75%; chuyển 1.656.443 dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đang số hóa 346.874 dữ liệu. - Số Tài nguyên và Môi trường: Kết quả thực hiện Nghị quyết 50, ngày 8/4/2022 của Chính phủ về số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh từ 01/6/2022: Tiếp nhận 1.786 hồ sơ (trong đó, số hoá kết quả giải quyết TTHC: 1.557 hồ sơ, đạt tỷ lệ số hóa khi trả kết quả 85,36%); Số dịch vụ công trực tuyến một phần: 84.688 hồ sơ, trong đó tỷ lệ hồ sơ đã được số hóa khi tiếp nhận hồ sơ là: 17,9%; tỷ lệ hồ sơ đã được số hóa khi trả kết quả là: 32,53%. - Dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội + Đã rà soát, đối sánh và làm sạch dữ liệu các đối tượng Người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo 598.868 dữ liệu; đối tượng thân nhân người có công và người có công được hưởng chế độ ưu đãi trợ cấp hàng tháng với 67.924 dữ liệu. + Công an tỉnh chủ trì, phối hợp ngành Lao động đã cập nhật 2.462.497 dữ liệu thông tin người lao động, 65.825 người có công và 82.989 thông tin đối tượng hưởng trợ cấp xã hội vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Dữ liệu ngành Bảo hiểm xã hội Đã có 528/528 (tỷ lệ 100%) cơ sở KCB thực hiện tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng CCCD gắn chip với số lượt tra cứu thành công là 2.127.272 lượt. - Nhập dữ liệu các hội:	Không	Tạo lập, số hóa dữ liệu giúp việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời, phục vụ cho việc khai thác sử dụng lại dữ liệu trong các thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch dân sự khác	Không	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh và thực hiện thường xuyên
37	Mô hình 37: Quản lý chương trình An sinh xã hội thông qua VNeID	ĐANG THỰC HIỆN * Làm sạch dữ liệu và cập nhật thông tin lao động lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư + Đã rà soát, đối sánh và làm sạch dữ liệu các đối tượng Người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo 598.868 dữ liệu; 67.924 dữ liệu người có công và người có công được hưởng chế độ ưu đãi trợ cấp hàng tháng của 21 huyện, thành phố, thị xã. + Công an tỉnh chủ trì, phối hợp ngành Lao động đã cập nhật 2.462.497 dữ liệu thông tin người lao động vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp các đơn vị Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh mở tài khoản và chi trả qua tài khoản cho các đối tượng an sinh xã hội, tính đến ngày 14/02/2024 đã mở được 221.011 tài khoản/295.019 đối tượng có nhu cầu mở, đạt 74,92 %.	rên ứng dụng VNeID mới chỉ cung cấp giải pháp để người dân khai thông tin tài khoản nhận các khoản trợ cấp từ chính sách an sinh xã hội. Chưa có giải pháp theo dõi, giám sát và cũng như bảo đảm chính sách cho đúng đối tượng hưởng chi trả.	Giúp làm sạch các dữ liệu chuyên ngành, đồng thời theo dõi, giám sát, hỗ trợ cũng như bảo đảm chính sách cho các đối tượng an sinh xã hội trên một nền tảng thống nhất	Không	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
V NHÓM PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA LÃNH ĐẠO CÁC CẤP (06 MÔ HÌNH)						
38	Mô hình 38: Phân tích tình hình dân cư	Trung tâm Giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An do Tập đoàn VNPT hỗ trợ triển khai thí điểm đã đưa vào vận hành, sử dụng ngày 18/12/2020. Trên cơ sở kết quả đạt được Giai đoạn 1 triển khai Trung tâm IOC, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 655/KH-UBND ngày 22/8/2024 triển khai Giai đoạn 2 Đề án thí điểm xây dựng Trung tâm IOC tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030. Đồng thời, cho phép thuê đơn vị tư vấn lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin triển khai "Trung tâm giám sát, điều hành	Tại Nghị quyết số kết quả 01 năm triển khai Công văn số 452/TTg-KSTT, ngày 23/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết các "điểm nghẽn" về Đề án, các tỉnh đã đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông: (1) Ban hành quy chuẩn, thông số kỹ thuật chung thống nhất cho trung tâm điều hành giám sát, thông minh IOC. (2) Quy định, hướng dẫn cụ thể về định mức đơn giá chung để xây dựng dự toán, định mức, đơn giá khi triển khai thực hiện. Tuy nhiên, Bộ Thông tin và Truyền thông phản hồi: Hiện	Chưa đánh giá	Hiện đang làm hồ sơ phê duyệt	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
39	Mô hình 39: Phân tích tình hình lao động					
40	Mô hình 40: Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú					
41	Mô hình 41: Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn					

42	Mô hình 42: Triển khai cuộc thi sáng kiến phát triển ứng dụng khai thác dữ liệu phục vụ xây dựng Chính phủ số, xã hội số và nền kinh tế số	HOÀN THÀNH Tham gia cuộc thi “Dữ liệu số với cuộc sống - Digital Data for life” tổ chức từ ngày 07/08/2023 đến ngày 24/11/2023	Không	Giúp cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực công nghệ thông tin đóng góp các sáng kiến mới, giải pháp hay để ứng dụng cho Chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời là môi trường giúp cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tham gia, hưởng ứng và đóng góp cho địa phương	Không	Tại Kế hoạch triển khai các mô hình, UBND tỉnh đã đặt mục tiêu nhân rộng trên địa bàn tỉnh.
43	Mô hình 43: Trung tâm Giám sát an ninh mạng SOC Tỉnh	HOÀN THÀNH Đã đưa hệ thống vào vận hành chính thức từ ngày 06/02/2024. Cục an toàn thông tin - Bộ thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 88/CATTT-NSSC xác nhận kết nối, chia sẻ dữ liệu. Số liệu giám sát từ ngày 15/05/2024 đến ngày 14/06/2024 cụ thể như sau: Số máy tính cá nhân được giám sát: 5.166. Số máy chủ được giám sát: 70. Số thiết bị mạng (router, switch, firewall) được giám sát: 505. Số máy tính không có bản quyền Windows: 1.199; Số máy tính có lỗ hổng MS 17010: 115; Số máy tính không bật firewall: 1.196; Số máy tính cấu hình kiểm soát tải khoản người dùng (UAC) ở mức thấp: 2.988; Số máy tính cài phần mềm WinRAR có lỗ hổng: 1502; Số máy tính không cài phần mềm antiVirus: 384.	Hiện tại thiếu nhân lực, phương tiện để chủ động phòng ngừa tấn công mạng máy tính và khắc phục các sự cố phức tạp (nếu có)	SOC giúp các cơ quan nhà nước của tỉnh cải thiện khả năng phát hiện sự cố bảo mật thông qua giám sát và phân tích liên tục hoạt động dữ liệu. Hệ thống SOC sẽ phân tích các hoạt động này trên toàn tổ chức, các mạng, điểm cuối, máy chủ và cơ sở dữ liệu để đảm bảo phát hiện và ứng phó kịp thời các sự cố bảo mật.	5.286 triệu đồng (chi phí thuê trong 2 năm)	Đã triển khai trên địa bàn toàn tỉnh UBND TỈNH NGHỆ AN